

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

TÀI LIỆU PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Tổng hợp theo nội dung thông qua tại Biên bản họp số 23-725 /BB-PBHC-HĐQT ngày 06/04/2023 của HĐQT và cập nhật ngày 26/06/2023)

MỤC LỤC

PHẦN 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU	3
PHẦN 2 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
PHẦN 3 – KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023	20
PHẦN 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022	23
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	23
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	34
PHẦN 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	44
PHẦN 6 - BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN.....	46
PHẦN 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023	53
PHẦN 8 – TỜ TRÌNH THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU.....	54
PHẦN 9 – TỜ TRÌNH THÔNG QUA NỘI DUNG CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY.....	55
PHẦN 10 – TỜ TRÌNH THÔNG QUA NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY.....	57
PHẦN 11 – BÁO CÁO, TỜ TRÌNH VỀ CÔNG TÁC BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	122
BÁO CÁO VỀ ĐƠN TỪ NHIỆM VÀ HẾT NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT	122
HƯỚNG DẪN ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT	123
TỜ TRÌNH BẦU CỬ HĐQT, BKS	128
DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN	130
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	133

DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
Ngày 27/06/2023

Thời gian	Nội dung
8h00 - 8h30	Đón tiếp đại biểu và quý cổ đông
8h30 - 8h45	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
8h45 - 8h50	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông
8h50 - 8h55	Thông báo nội quy cuộc họp Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký cuộc họp
8h55 - 9h10	Chào mừng quý cổ đông và khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông qua Chương trình nghị sự của cuộc họp. Thông qua thành phần Ban kiểm phiếu.
9h10 - 9h30	Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động HĐQT của TCT năm 2022; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023
9h30 - 9h35	Báo cáo tài chính năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận 2022, kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023
9h35 - 9h45	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023
9h45 - 9h50	Báo cáo về thực hiện quỹ lương, thưởng, thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và dự toán 2023
9h50 - 9h55	Tờ trình thông qua chủ trương ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Tổng công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu.
9h55 - 10h00	Tờ trình thông qua nội dung cập nhật, điều chỉnh đăng ký ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty.
10h00 - 10h05	Tờ trình về sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
10h05 - 10h20	- Thông qua nội dung chấp thuận đơn từ nhiệm của thành viên HĐQT và hết nhiệm kỳ của một số thành viên HĐQT, BKS. - Bầu cử các thành viên HĐQT và BKS thay thế các thành viên từ nhiệm và hết nhiệm kỳ.
10h20 - 10h30	Giải lao
10h30 - 11h15	Đại hội thảo luận, phát biểu ý kiến
11h15 - 11h20	Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ và kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS.
11h20 - 11h30	Thư ký báo cáo dự thảo Biên bản, Nghị quyết đại hội, Chủ tọa điều hành đề Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và tuyên bố bế mạc cuộc họp.

Phần 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU

Bản Nội quy cuộc họp và Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên & bất thường của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – công ty cổ phần với các mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp.

I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón. Chỉ những cổ đông của Tổng công ty và khách mời chính thức khác của Tổng công ty mới được phép vào phòng họp.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.
5. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD) được tiến hành ngay.

1. **Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**
2. **Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội phát biểu khai mạc cuộc họp.**
3. **Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu.**

ĐHĐCD biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay/giơ thẻ biểu quyết.

4. **Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.**

Theo nội dung chương trình nghị sự được thông qua.

5. **Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi Ban lãnh đạo Tổng công ty báo cáo cuộc họp ĐHĐCD các nội dung phiên họp, Đoàn chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của ĐHĐCD và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày hoặc theo sự điều khiển hợp lý của Chủ tọa.
- Cổ đông có ý kiến phát biểu tại cuộc họp cần điền nội dung câu hỏi vào Phiếu ý kiến (do ban tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông cung cấp), gửi cho Ban thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn chủ tịch. Ngoài ra, tài liệu cuộc họp được Tổng công ty đăng tải trên website, đề nghị cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị câu hỏi, gửi trước cho ban tổ chức đại hội.
- Các cổ đông yêu cầu và Đoàn chủ tịch trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông. Chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn thì Đoàn chủ tịch sẽ tổng hợp và trả lời chung.

- Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Tổng công ty.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP:

1. Nguyên tắc:

Theo Quy chế nội bộ về quản trị đã được ĐHĐCĐ thông qua, các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng hình thức giơ tay hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện tùy theo tính chất vấn đề xin ý kiến. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết, (có in mã vạch để phục vụ việc kiểm phiếu bằng công nghệ thông tin)

2. Cách biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

Riêng trong trường hợp có bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (HĐQT/BKS), cổ đông điền Phiếu bầu cử theo quy định và hướng dẫn tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

3. Thời điểm biểu quyết:

Theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông biểu quyết/chuyển Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức/Ban kiểm phiếu. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức/Ban kiểm phiếu.

4. Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm phiếu bầu HĐQT, BKS, kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, tờ trình của phiên họp ĐHĐCĐ.

Trong trường hợp có yêu cầu của cổ đông, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu với Ban kiểm phiếu.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.
3. Soạn thảo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết, quy chế bầu cử HĐQT, BKS.
2. Phát phiếu và thu phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử và kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.

3. Nhanh chóng thông báo cho Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký kết quả bầu cử, biểu quyết.
4. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Trên đây là Nội quy cuộc họp và Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí./.

Phần 2 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

I. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2022

1. Tổng quan

Năm 2022 nền kinh tế Việt Nam đạt được mức tăng trưởng ấn tượng sau đại dịch COVID-19 trong bối cảnh kinh tế thế giới còn phục hồi chậm, chịu ảnh hưởng bởi xung đột Nga – Ukraine.

Lĩnh vực phân bón bị ảnh hưởng chung của đại dịch năm trước nối tiếp sự ảnh hưởng bởi chuỗi cung ứng chưa thoát khỏi tình trạng đứt gãy, đình trệ do tình hình chính trị thế giới; Ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu tiêu thụ phân bón; Các khó khăn khác của năm 2021 tiếp tục kéo dài như chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tiếp tục chiếm phần đáng kể trong chi phí sản xuất. Tuy nhiên thị trường phân bón thế giới bị ảnh hưởng bởi đại dịch và chiến sự tại Ukraine đã hạn chế nguồn cung phân bón nhập khẩu, đẩy mức giá bán sản phẩm lên cao, giúp cho biên lợi nhuận của các nhà sản xuất phân bón trong nước tăng lên. Đồng thời, với nỗ lực khắc phục các bất lợi của đại dịch, quản lý chi phí, tận dụng cơ hội của tập thể lãnh đạo, người lao động Tổng công ty và được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, Tổng công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022 với kết quả lợi nhuận cao nhất trong lịch sử.

2. Những kết quả đạt được:

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2022 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn Tổng công ty đã tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của Tổng công ty là Đạm Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ, trong năm 2022, Tổng công ty đã tập trung vào quản trị chi phí, tài sản và nâng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (DAP, SA, Kali Phú Mỹ), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối đã xây dựng. Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Tổng công ty đã xuất khẩu hơn 190 ngàn tấn urê.

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất Urê với sản lượng kỷ lục 917.000 tấn Urê.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2022 tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001 - 2008, OSHAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, Sig Sigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM..., bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trong bối cảnh thuận lợi và thách thức đan xen, kết thúc năm tài chính 2022, Tổng công ty đạt được kết quả SXKD so với kế hoạch như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Sản lượng sản xuất				
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	828	917,1	111%
1.2	UFC 85	Nghìn tấn	12,8	13,2	103%
1.3	NPK	Nghìn tấn	165	155,5	94%
1.4	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10	4,5	45%
1.5	NH3 (để thương mại)	Nghìn tấn	70	74,4	106%
2	Sản lượng kinh doanh				
2.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	800	791,2	99%
2.2	NPK	Nghìn tấn	165	129	78%
2.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10	2,6	26%
2.4	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	260	209,2	80%
2.5	UFC 85	Nghìn tấn	8,5	9,52	112%
2.6	NH3 (để thương mại)	Nghìn tấn	70	71,5	102%
2.7	CO2	Nghìn tấn	50	54,0	108%
2.8	Hóa chất	Nghìn tấn	0,6	1,0	154%
3	Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)				
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	17.239	19.013	110%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.130	6.606	160%
3.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.473	5.585	161%
3.4	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng		1.614	
4	Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ				
4.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	9.011	13.779	153%
4.2	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914	3.914	100%
4.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	16.343	16.924	104%
4.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.128	6.507	158%
4.5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.489	5.511	158%
4.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	89%	141%	159%
4.7	Nộp NSNN	Tỷ đồng		1.551	
4.8	Đầu tư				
4.8.1	Giải ngân đầu tư	Tỷ đồng	548	118	22%
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	245	75	30%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	303	43	14%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng			
4.8.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	548	118	22%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	548	118	22%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng			

3. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2022, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty vẫn cần phải tiếp tục khắc phục và giảm thiểu tác động của một số tồn tại, hạn chế đã chỉ ra:

- Về sản xuất: Nhà máy đạm Phú Mỹ sau nhiều năm vận hành liên tục ở công suất cao, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng đã bắt đầu xuất hiện những sự cố ở các thiết bị tĩnh, có nguy cơ ảnh hưởng đến sự ổn định trong vận hành của toàn thể Nhà máy.

- Về đầu tư góp vốn tại các doanh nghiệp liên kết: Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết như VNPOLY, PVC Mekong, Công ty cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được..., hoạt động của các công ty này tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng công ty.
- Một số chỉ tiêu kế hoạch chưa hoàn thành:
 - + Sản lượng kinh doanh các loại phân bón: Đạt 91% (trong đó Urê Phú Mỹ đạt 99%, NPK đạt 78%, Đạm Kebo đạt 26% và phân bón khác đạt 80%).
 - + Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm đạt 22% kế hoạch.

4. Giải trình về các chỉ tiêu kế hoạch chưa hoàn thành:

Năm 2022 Tổng công ty chưa đạt kế hoạch về chỉ tiêu sản lượng kinh doanh phân bón và chỉ tiêu giải ngân vốn đầu tư:

- + Sản lượng kinh doanh các loại phân bón chưa đạt kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do: (i) Giá phân bón biến động khó lường trên toàn thế giới; (ii) Trong nước, giá vật tư cho nông nghiệp tăng cao, giá nông sản bấp bênh; (iii) Ảnh hưởng tiêu cực từ dịch covid-19 và khủng hoảng chính trị tại các nước nhập khẩu nông sản của Việt Nam; (iiii) Chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng, khó huy động vốn kinh doanh. Những tác động này làm cho kinh doanh phân bón rất khó khăn, sản lượng ra hàng tại các công ty vùng miền thấp, sức mua rất yếu.
- + Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm chỉ đạt 22% kế hoạch, nguyên nhân do tiến độ giải ngân các mốc cuối cùng của dự án nâng cấp xưởng NH3 và xây dựng Nhà máy NPK chưa đạt theo yêu cầu, đồng thời việc triển khai mua sắm còn chậm do ảnh hưởng của dịch covid và chiến sự leo thang trên thế giới.

5. Xử lý các kiến nghị tại báo cáo của Ban Kiểm soát:

Năm 2022 Ban Kiểm soát có các kiến nghị với HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty:

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển: HĐQT đã chỉ đạo Tổng công ty rà soát, xây dựng, thực hiện đề án tái cấu trúc giai đoạn 2021-2025, lựa chọn mô hình kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, tổ chức, sắp xếp lại bộ máy Tổng công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết: HĐQT đã chỉ đạo, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.
- Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt quyết toán vốn Tổ hợp dự án nâng công suất phân xưởng NH3 và Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học để ghi nhận đúng giá trị tài sản và phân loại để tính khấu hao được đầy đủ, chính xác, đúng quy định: HĐQT đã chỉ đạo Tổng công ty hoàn thành báo cáo và hồ sơ quyết toán dự án, hiện đang tiến hành thẩm tra để phê duyệt.
- Thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Báo cáo kết quả thẩm định BCTC năm 2021 số 507/PBHC-BKS ngày 8 tháng 4 năm 2022 về nâng cao hiệu quả quản lý dòng tiền, xây dựng phương án đàm phán với ngân hàng đầu mối để trả nợ vay trước hạn của tổ hợp dự án NH3-NPK, quyết toán các khoản mục chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang lâu năm trên bảng cân đối kế toán: HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu, triển khai thực hiện.

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2022, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm (01 thành viên độc lập) đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ

chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

2. Kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách từng mảng hoạt động như sau:

2.1 Ông Hoàng Trọng Dũng - Chủ tịch HĐQT

Phụ trách các lĩnh vực:

- Quản lý và phụ trách chung các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty;
- Công tác xây dựng Chiến lược phát triển;
- Công tác cơ cấu tổ chức và tái cấu trúc;
- Công tác ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ;
- Công tác quan hệ cổ đông & nhà đầu tư;
- Theo dõi chung các ban/đơn vị trong Tổng công ty.

2.2. Ông Lê Cự Tân – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Phụ trách các lĩnh vực:

- Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm;
- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- Chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi khác đối với người lao động và công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật;
- Lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ;
- Lĩnh vực tài chính – kế toán; quản lý vốn đầu tư tại các đơn vị liên doanh, liên kết;
- Công tác sản xuất, đầu tư, đấu thầu;
- Công tác truyền thông, quản lý thương hiệu;

2.3. Ông Dương Trí Hội – Thành viên HĐQT chuyên trách

Phụ trách các lĩnh vực:

- Lĩnh vực dịch vụ, kinh doanh hóa chất;
- Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát Người đại diện trong quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên được phân công theo dõi;
- Công tác kiểm toán;
- Quản lý tài sản, trích lập và sử dụng các quỹ, nguồn vốn và điều tiết vốn (trừ tài sản cụm Nhà máy đạm Phú Mỹ);
- Phương án chi trả cổ tức hàng năm, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

2.4. Ông Trịnh Văn Khiêm - Thành viên HĐQT chuyên trách

Phụ trách các lĩnh vực:

- Lĩnh vực kinh doanh phân bón;
- Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát Người đại diện trong quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên được phân công theo dõi;
- Công tác kế hoạch;
- Công tác quản lý an toàn, môi trường, chất lượng;
- Thoái vốn, góp vốn và thành lập các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

5. Ông Louis T Nguyen - Thành viên độc lập HĐQT

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật;
- Phụ trách công tác hợp tác đầu tư tài chính, thu hút đầu tư, mua bán sáp nhập... của Tổng công ty liên quan đến các đối tác và nhà đầu tư nước ngoài;
- Theo dõi chỉ đạo công tác quan hệ nhà đầu tư (IR).

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự đủ các cuộc họp
1.	Ông Hoàng Trọng Dũng	4/4	100%	
2.	Ông Lê Cự Tân	4/4	100%	
3.	Ông Dương Trí Hội	4/4	100%	
4.	Ông Louis T Nguyen	3/4	75%	Đi công tác
5.	Ông Trịnh Văn Khiêm	4/4	100%	

Ngoài ra, từng thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia vào việc thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua 80 lượt lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị đánh giá chung một số kết quả hoạt động đáng lưu ý trong công tác quản trị năm 2022:

- Về công tác tái cơ cấu: Hội đồng quản trị đã đôn đốc, chỉ đạo Tổng công ty triển khai và đạt được một số kết quả tích cực như: Hoàn thành giai đoạn 1 kế hoạch tổng rà soát, đánh giá hệ thống văn bản quản lý trong nội bộ và đã triển khai giai đoạn 1 nhằm hoàn thiện, cập nhật hệ thống văn bản quản lý nội bộ tiên tiến, hiệu quả; Đánh giá, rà soát các mô hình quản trị sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty và các công ty con nhằm tiến tới xây dựng hoàn thiện phương án tái cơ cấu để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét; Thông qua đề án xây dựng hệ thống quản trị rủi ro.
- Về công tác rà soát, xây dựng chiến lược phát triển: Hoàn thành xây dựng các định hướng phát triển đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua.
- Chỉ đạo triển khai đề án chuyển đổi số: Song song với công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống quản trị và xây dựng chiến lược, tiếp theo việc thông qua đề án chuyển đổi số trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty với tiến độ, kế hoạch phù hợp, đáp ứng theo nhu cầu nội tại và những đòi hỏi của thị trường, Hội đồng quản trị đã chấp thuận thành lập Ban dự án chuyển đổi số để triển khai thực hiện.
- Thúc đẩy các công việc cuối cùng của dự án NH3-NPK nhằm mục tiêu quyết toán dự án. Trong năm 2022 đã chỉ đạo Tổng công ty hoàn thành Báo cáo và hồ sơ quyết toán dự án và đang tiến hành khâu thẩm tra, phê duyệt.
- Công tác nghiên cứu phát triển: Hội đồng quản trị đã chấp thuận thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng để nâng cao vai trò, tăng cường hoạt động nghiên cứu phát triển và hoạt động khoa học công nghệ.

3. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức quản trị công ty của các thành viên Hội đồng quản trị

- Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về quản trị công ty tại thời điểm được bầu/bổ nhiệm.
- Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.

4. Chi phí hoạt động, lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT trong năm 2022

*** Về chi phí hoạt động:**

Các thành viên HĐQT chuyên trách và thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc làm việc chuyên trách, thường xuyên tại Tổng công ty sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các Quy chế của Tổng công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, Quy chế về chế độ công tác phí,

Chính sách nhân viên... và được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

*** Về chính sách tiền lương, thù lao và tiền thưởng, phúc lợi khác:**

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người quản lý, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Chi tiết tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2022 của các Thành viên HĐQT:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Họ & tên	Chức danh	Quỹ lương, thưởng		
			Tiền lương/thù lao	Tiền thưởng	Tổng thu nhập
1.	Hội đồng quản trị		6.977	831	7.808
1	Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT	1.739	217	1.957
2	Lê Cự Tân	Thành viên HĐQT, TGD	1.837	230	2.067
3	Dương Trí Hội	Thành viên HĐQT	1.594	199	1.793
4	Trịnh Văn Khiêm	Thành viên HĐQT	1.476	185	1.661
5	Louis T Nguyễn	Thành viên HĐQT độc lập	331	-	331

5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, HĐQT họp 4 phiên họp và 80 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 47 nghị quyết, quyết định quan trọng và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

- **Kế hoạch, chiến lược :**
 - + Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2023;
 - + Triển khai rà soát, xây dựng Chiến lược phát triển Tổng công ty.
- **Về tổ chức – nhân sự:**
 - + Tiếp tục chỉ đạo triển khai công tác tái sắp xếp cơ cấu bộ máy quản trị điều hành công ty mẹ & các công ty con, công tác tái cơ cấu tổng thể;
 - + Phê duyệt định biên lao động; Công tác quy hoạch cán bộ Tổng công ty giai đoạn 2022-2025, và luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ tại 2 công ty con;
 - + Thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng, Ban dự án chuyên đổi số, phương án tổ chức lại Ban Kiểm toán nội bộ, Văn phòng Hội đồng quản trị.
- **Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ:** Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ, giám sát hoạt động các công ty thành viên; Chỉ đạo thực hiện công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro;
- **Đầu tư, triển khai các dự án:** Chỉ đạo triển khai và xử lý vướng mắc nhằm hoàn thành giai đoạn kết thúc của dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học.
- **Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế:** Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ Tổng công ty, ban hành Quy chế quản lý tài chính, Quy chế Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến cổ đông theo hình thức trực tuyến, Quy chế soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản quy phạm nội bộ.

- **Công tác tái cơ cấu:** Chỉ đạo triển khai công tác tái cơ cấu tổng thể Tổng công ty và các đơn vị thành viên;
- **Quan hệ cổ đông:** Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ gồm có ĐHĐCĐ thường niên 2022 (trong tháng 6/2022) và phiên họp ĐHĐCĐ bất thường (trong tháng 12/2022). Chỉ đạo bộ phận IR tích cực triển khai các hoạt động tiếp xúc, trao đổi cập nhật thông tin thông qua kênh trực tuyến nhằm đảm bảo thông tin liên tục, đầy đủ về kết quả hoạt động tới cổ đông, NĐT.
- **Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính:** Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong một số cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Tổng công ty.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

IV. BÁO CÁO GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

Tổng công ty có giao dịch với các bên liên quan trong năm 2022:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Giá trị giao dịch	
			Nội dung	Giá trị (VNĐ)
1	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam (PVN)	Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Mua hàng	134.823.002.924
2	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty con	Bán hàng	2.392.709.140.562
			Mua hàng	22.922.927.701
			Phải trả người bán	6.437.581.373
			Người mua trả trước	8.286.437.824
3	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Công ty con	Bán hàng	3.113.867.954.891
			Mua hàng	39.911.449.096
			Phải thu KH	29.488.475.000
			Phải trả người bán	8.593.677.471

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Giá trị giao dịch	
			Nội dung	Giá trị (VNĐ)
			Người mua trả trước	28.303.358.154
4	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty con	Bán hàng	3.254.975.612.597
			Mua hàng	16.620.013.510
			Phải thu KH	52.321.800.000
			Phải trả người bán	4.546.775.588
			Người mua trả trước	27.401.037.458
5	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Công ty con	Bán hàng	2.437.632.399.850
			Mua hàng	26.952.705.589
			Phải thu KH	51.848.160.000
			Phải trả người bán	8.384.152.079
			Người mua trả trước	5.013.985.000
6	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Bán hàng	145.710.453.896
			Phải thu KH	24.700.156.702
7	Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Khí Cà Mau	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Bán hàng	2.470.200.000
			Phải thu KH	
8	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Bán hàng	965.250.000
9	Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Bán hàng	10.460.514.500
			Mua hàng	4.559.273.876.003
			Phải thu KH	
			Phải trả người bán	468.425.781.017
10	CN Tổng Cty Khí Việt Nam - CTCP - Cty Chế Biến Khí Vũng Tàu		Bán hàng	6.499.571.200

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Giá trị giao dịch	
			Nội dung	Giá trị (VNĐ)
10	Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Phải thu KH	1.516.672.105
11	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Phải trả người bán	42.281.377.789
12	CN Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Phải trả người bán	3.282.822.308

V. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT:

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị Louis T. Nguyễn hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự và ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị kể từ thời điểm được bầu vào Hội đồng quản trị.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập Louis T Nguyễn về quản trị/điều hành của Tổng công ty trong năm 2022:

- Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, Điều lệ Tổng công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ điều hành đã thực hiện và tuân thủ đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn được giao theo quy định với mục tiêu bảo vệ quyền lợi cho toàn thể cổ đông của Tổng công ty, kết quả được thể hiện qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

- Trong Tổng công ty, cổ đông lớn cũng giống như các cổ đông khác, đều mong muốn giá trị của công ty tăng lên. Những người quản trị là đại diện vốn nhà nước ngoài nhiệm vụ tuân thủ chế độ quản trị doanh nghiệp, còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn phần vốn của Nhà nước. Tổng công ty phụ thuộc khá lớn vào chi phí nguyên liệu sản xuất và trong bối cảnh nguồn khí gas rẻ suy giảm, Ban quản trị đã hết sức nỗ lực trong việc thuyết trình, đề xuất, bảo vệ cho những cam kết, hay chính sách của Nhà nước có lợi nhất cho Tổng công ty về lĩnh vực này trong ngắn hạn và dài hạn. HĐQT Tổng công ty đã hoạt động tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị đối với công ty niêm yết, đảm bảo cho các thành viên HĐQT và thành viên HĐQT độc lập thực thi quyền hạn, trách nhiệm.

- Để tiến tới và tiếp cận sát với các chuẩn mực quản trị tiên tiến, HĐQT đã nhận thức và thúc đẩy công tác rà soát, cải tiến nội dung hoạt động theo hướng tăng cường hiệu quả hệ thống quản trị và giám sát, xây dựng cơ chế phân cấp mạnh mẽ và phù hợp để giảm bớt sự tham gia vào các hoạt động mang tính chất điều hành. Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp thực hiện chương trình tái cơ cấu nhằm tinh gọn bộ máy song song với việc triển khai cập nhật, hoàn thiện chiến lược phát triển trung và dài hạn theo định hướng được ĐHCĐ thông qua.

- Thành viên độc lập phụ trách về mảng quan hệ với các cổ đông đặc biệt là nước ngoài, chiếm tỷ lệ khá lớn trong công ty. Trong năm 2022 với kết quả hoạt động của công ty có nhiều khởi sắc, nhu

cầu tiếp cận thông tin từ cộng đồng nhà đầu tư đã tăng mạnh, đặc biệt liên quan tới nội dung đề xuất tại kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường. Thành viên độc lập đã tích cực kết nối với Ban lãnh đạo và bộ phận chức năng tiếp tục tăng cường chuyển tải đến nhà đầu tư về những giá trị, những lợi thế của Tổng công ty và nỗ lực từ ban quản trị, điều hành, và ngược lại cũng mang những đóng góp, ý tưởng từ nhà đầu tư về cho HĐQT về đường lối, chiến lược phát triển, hay những phương hướng về tìm nhà đầu tư chiến lược. Tổng công ty đã và đang có những nền tảng quản trị tốt trong số những công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước.

VI. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và có triển khai công tác giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

VII. VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN:

Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nội dung công việc được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền:

1. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022:

ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty và giao cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ (sửa đổi). HĐQT đã triển khai công tác rà soát để hoàn thiện 2 quy chế này trong dự án rà soát, hoàn thiện tổng thể hệ thống văn bản nội bộ của Tổng công ty.

2. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty tìm kiếm và chủ động quyết định việc mua khí nguyên liệu phục vụ sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và chỉ đạo của các Cấp có thẩm quyền. Hội đồng quản trị đã thông qua c hợp đồng mua bán khí năm 2022 và năm 2022 và nỗ lực để có thể đạt được hợp đồng cung cấp khí cho các năm tiếp theo.

VIII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

A. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023:

1. Mục tiêu:

- 1.1. Lãnh đạo, quản trị Tổng công ty tập trung, phấn đấu thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm 2023, trong đó đặc biệt là đảm bảo hoạt động SXKD liên tục, hiệu quả và thực hiện thành công Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy an toàn, hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ. Phấn đấu thực hiện mục tiêu tăng trưởng 10% các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch năm 2023.

- 1.2. Hoàn thiện cơ bản công tác cải tiến hệ thống quản trị nội bộ: hệ thống văn bản quy định nội bộ, hệ thống quản trị và kiểm soát rủi ro, kiện toàn/tinh gọn bộ máy quản lý, điều hành, công tác ứng dụng công nghệ/chuyển đổi số.
- 1.3. Thúc đẩy công tác đầu tư tăng trưởng: Triển khai triển khai các dự án đầu tư, công tác nghiên cứu đầu tư theo kế hoạch SXKD 5 năm 2021-2025 và định hướng chiến lược đã được thông qua;

2. Nhiệm vụ trọng tâm:

Lãnh đạo, chỉ đạo Tổng công ty thực hiện các nhiệm vụ đã thông qua tại Nghị quyết số 23-027/NQ-PBHC ngày 18/01/2023 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt và giao kế hoạch SXKD năm 2023 của Tổng công ty, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

- 2.1. Chỉ đạo phổ biến, quán triệt sâu sắc đến toàn thể cán bộ lãnh đạo và công nhân viên Tổng công ty và các đơn vị về tình hình, yêu cầu nhiệm vụ năm 2023 và giai đoạn tiếp theo để hiểu đúng và nắm được đầy đủ về những khó khăn, thách thức của Tổng công ty/đơn vị có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023 và những năm tới, từ đó tạo sự đồng thuận, thống nhất trong hành động cùng chia sẻ, khắc phục để vượt qua khó khăn.
- 2.2. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2023:
 - Vận hành Nhà máy Đạm Phú Mỹ an toàn, ổn định, hiệu quả và tiết kiệm. Kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm. Chuẩn bị tốt nhân lực, vật tư, thiết bị, ... và tổ chức thực hiện thành công đợt Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy năm 2023.
 - Nghiên cứu và xây dựng các kịch bản, giải pháp kinh doanh linh động, phù hợp với tình hình để tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.
 - Nghiên cứu, triển khai các giải pháp mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng sản lượng, doanh thu: từ thị trường quốc tế, từ hoạt động kinh doanh, cung ứng nguyên liệu cho VNPOLY; nghiên cứu triển khai các hoạt động kinh doanh ngắn hạn khác nếu có điều kiện và hiệu quả...
 - Chú trọng công tác quản lý chi phí bán hàng, chi phí sản xuất, giảm định mức tiêu hao năng lượng, giảm tiêu hao nguyên liệu, hạ giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và công tác sản xuất kinh doanh trong toàn Tổng công ty.
 - Xây dựng hệ thống phân phối bền vững trong nước và mở rộng thị trường nước ngoài. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển và đầu tư dự án mới, mở rộng dịch vụ và hoạt động kinh doanh.
 - Tổng công ty và các đơn vị thành viên, trực thuộc căn cứ đặc điểm, chức năng nhiệm vụ và tình hình thực tiễn, rà soát lại tất cả các nhiệm vụ SXKD, đầu tư, chi phí, đưa ra dự báo và kịch bản ứng phó với sự biến động của thị trường, giá phân bón trong năm 2023. Tăng cường nghiên cứu để nâng cao khả năng dự báo; tận dụng các cơ hội để nâng cao hiệu quả SXKD; lựa chọn và tập trung nguồn lực hướng vào đối tượng đầu tư trọng điểm để tạo nền tảng cho sự phát triển của Tổng công ty, đơn vị trong giai đoạn mới.
 - Xử lý triệt để các hồ sơ thẩm tra để sớm hoàn thành quyết toán dự án NPK-NH3. Tập trung đẩy mạnh triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư của Tổng công ty (dự án H₂O₂, bồn chứa acid H₃PO₄, ...). Quản trị danh mục đầu tư, hoàn thành cập nhật, sửa đổi/bổ sung quy chế quản lý đầu tư.
- 2.3. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và triển khai công tác tái cơ cấu trong bối cảnh mới; Hoàn thiện xây dựng phương án mô hình kinh doanh mới, phương án tái cấu trúc công ty vùng miền. Chỉ đạo xây dựng các chiến lược chức năng trên cơ sở chiến lược phát triển Tổng công ty được phê duyệt, chỉ đạo các đơn vị thành viên rà soát, cập nhật và xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị. Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả tổ chức triển khai thực hiện.

- 2.4. Tiếp tục rà soát và hoàn thiện xây dựng hệ thống quản trị tinh gọn, hiệu quả, quản trị rủi ro, hoàn thiện ma trận phân cấp, phân quyền, tăng cường phối hợp giữa các tập thể lãnh đạo; Hoàn thành rà soát hệ thống văn bản nội bộ. Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện chương trình chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm.
- 2.5. Xây dựng và ban hành phương án luân chuyển, điều động, bổ nhiệm lại cán bộ. Thực hiện công tác bổ nhiệm lại cán bộ, kiện toàn nhân sự đang khuyết ở các lĩnh vực/đơn vị. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong công tác bổ nhiệm cán bộ (hồ sơ, quy trình, thủ tục, ...). Rà soát bố trí sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực trên cơ sở tinh gọn bộ máy.
- 2.6. Hoàn thành và đưa vào áp dụng có hiệu quả dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng định biên lao động và đánh giá năng lực cá nhân, đánh giá hiệu quả công việc để đảm bảo xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, gắn tiền lương và thu nhập tương xứng với công việc đảm nhận cũng như sự cống hiến của mỗi cá nhân trong bộ máy tổ chức Tổng công ty.
- 2.7. Đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số theo lộ trình, đề án đã được HĐQT chấp thuận. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mảng công việc của Tổng công ty. Tối ưu hóa năng lực vận hành thông qua quản trị dữ liệu và ứng dụng công nghệ số. Đảm bảo tích hợp chặt chẽ và nâng cao mức độ tự động hóa của quy trình. Số hóa và tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ về quản trị - vận hành, sản xuất – bảo dưỡng, chăm sóc khách hàng – kinh doanh; nâng cao chất lượng dữ liệu; đảm bảo thực hiện và theo dõi công việc nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn và hiệu quả.
- 2.8. Tiếp tục triển khai thực hiện Văn hóa PVFCCo gắn liền với các hoạt động thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác ASXH, hoạt động gắn kết/kết nối, văn hóa thể dục thể thao. Tăng cường truyền thông và tuân thủ áp dụng hệ giá trị cốt lõi văn hóa PVFCCo “Tiên phong – Sáng tạo – Chuyên nghiệp – Hiệu quả – Sẻ chia”, trong đó chú trọng triển khai thực hiện có hiệu quả phương châm hành động **“Đoàn kết – Kỷ cương – Sáng tạo – Hiệu quả”, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong năm 2023**, đặc biệt là văn hóa nền tảng 7 thói quen hiệu quả.

B. Dự kiến chương trình công tác của HĐQT:

Để triển khai công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị Tổng công ty thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ như trên, Hội đồng quản trị dự kiến chương trình công tác năm 2023 trong các quý như sau:

1. Quý 1/2023:

- Thông qua và triển khai kế hoạch SXKD năm 2023 của TCT và các công ty con.
- Chỉ đạo các công việc: tổ chức lễ Kỷ niệm 20 năm thành lập TCT, chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- Thông qua dự kiến nội dung, tài liệu ĐHĐCĐ 2023, phương án nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát TCT (đối với các thành viên được bầu năm 2018).
- Xem xét phương án điều chỉnh cơ cấu vốn chủ sở hữu: Đơn đốc BĐH/tư vấn báo cáo phương án, trình cổ đông lớn phương án lựa chọn (để trình ĐHĐCĐ thông qua tại phiên họp thường niên 2023).
- Tham dự và chỉ đạo tại các cuộc họp quan trọng (về quyết toán Dự án NH3-NPK, về triển khai hội nghị kinh doanh hóa chất - tháng 3/2023, họp chuyên đề công tác kinh doanh phân bón – tháng 3/2023).
- Hợp Ban chỉ đạo về tái cơ cấu (nửa đầu tháng 3/2023).
- Phê duyệt và ban hành/sửa đổi bổ sung các quy chế, qui trình, định mức, .. thuộc thẩm quyền của HĐQT (theo kế hoạch, đề án cải tiến hệ thống văn bản nội bộ giai đoạn 2).
- Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ 2023.
- Hợp HĐQT phiên định kỳ (tháng 3/2023).

- Xử lý các công việc khác phát sinh theo thẩm quyền HĐQT.

2. Quý 2/2023:

- Đánh giá kết quả thực hiện KH SXKD quý 1/2023 và xem xét, cập nhật nội dung giao kế hoạch chi tiết cho TCT & các đơn vị.
- Phê duyệt và ban hành/sửa đổi bổ sung các quy chế, qui trình, định mức, .. thuộc thẩm quyền của HĐQT và trình ĐHĐCĐ ban hành theo thẩm quyền ĐHĐCĐ (theo kế hoạch, đề án cải tiến hệ thống văn bản nội bộ giai đoạn 2).
- Chỉ đạo và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023 (tuần thứ 3 - tháng 4/2023).
- Thông qua đề án tái cơ cấu TCT.
- Chỉ đạo công tác sơ kết 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023, chỉ đạo công tác xây dựng KH 2024 (theo quy chế quản lý công tác kế hoạch).
- Chỉ đạo công tác quyết toán dự án NH3-NPK.
- Hội đồng quản trị họp phiên định kỳ.
- Xử lý các công việc khác phát sinh.

3. Quý 3/2023:

- Đánh giá kết quả thực hiện KH SXKD 6 tháng đầu năm 2023.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2024.
- Phê duyệt và ban hành/sửa đổi bổ sung các quy chế, qui trình, định mức, .. thuộc thẩm quyền của HĐQT (theo kế hoạch, đề án cải tiến hệ thống văn bản nội bộ giai đoạn 2).
- Hợp/hội nghị chuyên đề: Xem xét đề chỉ đạo Tổng công ty tổ chức các hội nghị chuyên đề cần thiết.
- Hội đồng quản trị họp phiên định kỳ (tuần cuối tháng 9/2023).
- Xử lý các công việc khác phát sinh.

4. Quý 4/2023:

- Chỉ đạo hoàn thiện công tác xây dựng Kế hoạch SXKD 2024.
- Chỉ đạo công tác báo cáo, tổng kết năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024.
- Phê duyệt và ban hành/sửa đổi bổ sung các quy chế, qui trình, định mức, .. thuộc thẩm quyền của HĐQT (theo kế hoạch, đề án cải tiến hệ thống văn bản nội bộ giai đoạn 2).
- Thực hiện giám sát tại các công ty thành viên (thành viên HĐQT phụ trách đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện).
- Hội đồng quản trị họp định kỳ.
- Chỉ đạo công tác: thẩm tra quyết toán dự án NH3-NPK, thông qua báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

II. Các công việc thường xuyên và phát sinh khác.

- Tổ chức các phiên họp HĐQT bất thường, tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT theo yêu cầu thực tế.
- Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng giám đốc, bộ máy điều hành TCT và Người đại diện của TCT tại các đơn vị (NDD); Các TV HĐQT thực hiện các công việc theo phân công phụ trách và bút phê xử lý/phân công văn bản của Chủ tịch HĐQT/ Kế hoạch hoạt động chung của HĐQT .
- Công tác cung cấp thông tin và quan hệ cổ đông (IR).

- Chỉ đạo các Tổ thẩm tra, Tổ giúp việc, các Ban chỉ đạo,... về công tác dự án, công tác tái cấu trúc, chiến lược, chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ...
- Chỉ đạo công tác hoàn thiện, triển khai chiến lược phát triển, chiến lược chức năng/bộ phận...
- Giám sát, đánh giá kết quả hoạt động SXKD và quản lý chi phí hàng quý trên cơ sở báo cáo của Ban điều hành (theo Nghị quyết phê duyệt và giao KH SXKD năm 2023).
- Đánh giá công tác hoạt động của HĐQT và các Thành viên HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Dũng

Phần 3 – KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

TỜ TRÌNH THÔNG QUA KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

I. ĐỊNH HƯỚNG CÁC NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2023:

Năm 2023 diễn ra trong bối cảnh các yếu tố về thị trường phân bón, giá khí có những khó khăn tiếp nối từ quý cuối năm 2022 cùng với những tác động của tình hình chính trị thế giới. Đặc biệt, về nguồn cung khí thiên nhiên đã chuyển sang thời kỳ khó khăn, các nguồn khí giá rẻ sụt giảm sản lượng.

Trước những khó khăn thách thức đó, với sự ủng hộ, hỗ trợ của cổ đông lớn, Hội đồng quản trị đề ra các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo: An toàn, ổn định, hiệu quả và tiết kiệm.
2. Vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ, xưởng sản xuất NPK và xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde đảm bảo an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Thực hiện thành công đợt bảo dưỡng tổng thể Nhà máy Đạm Phú Mỹ.
3. Tìm kiếm nguồn khí ổn định (sản lượng, giá bán) dài hạn cho sản xuất đạm, đảm bảo hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.
4. Tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm để nâng cao hiệu quả hoạt động từ PVFCCo tới các đơn vị thành viên. Trong đó, tập trung công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên để đảm bảo việc quản lý; huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả.
5. Tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, dòng tiền và quản lý công nợ để không phát sinh nợ xấu mới, có biện pháp xử lý để thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn lực hiện có của PVFCCo.
6. Xây dựng phương án Tăng vốn điều lệ năm 2023 báo cáo các cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Tiếp tục xử lý chênh lệch vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.
7. Tiếp tục nỗ lực có giải pháp, tăng cường công tác bán hàng; duy trì lượng hàng tồn kho hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Phát triển thị trường kinh doanh sản phẩm NPK Phú Mỹ, tăng cường công tác tiếp thị và truyền thông để định hình thương hiệu NPK Phú Mỹ cả về mẫu mã và chất lượng.
8. Xây dựng hệ thống phân phối phân bón bền vững trong nước và tìm kiếm mở rộng thị trường nước ngoài.
9. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết theo phương án được phê duyệt.
10. Hoàn thiện Chiến lược phát triển PVFCCo đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 và Đề án cơ cấu lại PVFCCo giai đoạn đến năm 2025.
11. Tiếp tục tái tạo văn hoá PVFCCo cùng với việc đẩy mạnh văn hoá Petrovietnam tại PVFCCo. Quan tâm chăm lo đời sống sức khỏe, tinh thần, điều kiện làm việc và thu nhập cho Người lao động.
12. Khẩn trương xúc tiến công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới để tận dụng tối đa năng lực của Trung tâm nghiên cứu phát triển.
13. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương ban hành.

14. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và xây dựng hệ thống ERP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với công tác triển khai chuyển đổi số và ERP trong toàn Tập đoàn.
15. Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015.
16. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị giao.

II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Ghi chú
1	Sản lượng sản xuất			
1.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	785,0	
1.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	200,0	
1.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0	
1.4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	12,5	
1.5	NH3 sản xuất bán thương mại	Nghìn tấn	65,5	
2	Sản lượng kinh doanh			
2.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	800,0	
2.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	200,0	
2.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0	
2.4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	8,5	
2.5	NH3	Nghìn tấn	70,0	
2.6	Phân bón khác	Nghìn tấn	309,5	
2.7	CO2	Nghìn tấn	45,0	
2.8	Hóa chất khác	Nghìn tấn	0,668	

2. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	17.372
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.670
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.250
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	637

3. Kế hoạch Công ty mẹ

a. Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10.149
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	15.103
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.606
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.207
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	%	21,7
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (**)	%	40,0
7	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,22
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	613

b. Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
I	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	492,0
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	209,3
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	282,7
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
II	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	492,0
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	492,0
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0
III	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	492,0
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	492,0
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có những chỉ tiêu cần điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình hoạt động, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (nếu có) cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong lần họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Dũng

Phần 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch
Ông Lê Cự Tân	Thành viên
Ông Louis T.Nguyen	Thành viên
Ông Dương Trí Hội	Thành viên
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Lê Vinh Văn	Thành viên
Ông Lương Phương	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2023.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt
Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 5 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2023-001-1

Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 28 tháng 02 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.578.923.480.222	9.519.579.701.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.083.841.053.069	2.524.115.312.966
1. Tiền	111		307.981.912.328	567.149.383.517
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.775.859.140.741	1.956.965.929.449
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.880.000.000.000	3.455.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	6.880.000.000.000	3.455.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		458.327.989.385	488.926.629.172
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	234.657.477.739	262.942.321.240
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	90.137.615.251	137.517.046.753
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	366.959.646.684	321.676.658.968
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.426.873.759)	(233.476.873.759)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		123.470	267.475.970
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.871.453.604.350	2.775.533.988.246
1. Hàng tồn kho	141		4.010.984.671.397	2.778.813.854.584
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(139.531.067.047)	(3.279.866.338)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		285.300.833.418	276.003.770.867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	20.104.181.210	15.329.149.739
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		256.414.054.424	257.422.886.104
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	8.782.597.784	3.251.735.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.119.872.255.554	4.398.350.543.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.154.100.000	849.874.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.154.100.000	849.874.000
II. Tài sản cố định	220		3.254.819.127.727	3.716.965.004.749
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.434.307.412.659	2.883.489.798.863
- Nguyên giá	222		11.487.943.997.171	11.546.905.383.342
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.053.636.584.512)	(8.663.415.584.479)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	820.511.715.068	833.475.205.886
- Nguyên giá	228		1.156.764.897.293	1.155.791.328.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(336.253.182.225)	(322.316.122.307)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	200.140.392.532	209.845.313.863
- Nguyên giá	231		317.953.542.202	317.953.542.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(117.813.149.670)	(108.108.228.339)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		218.938.454.705	174.082.187.941
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	218.938.454.705	174.082.187.941
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		41.768.055.625	44.656.956.639
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	29.279.430.994	28.619.663.470
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(8.013.375.369)	(4.464.706.831)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		403.052.124.965	251.951.205.958
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	41.988.497.354	25.697.331.132
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		187.897.314.223	79.187.651.840
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	150.228.832.256	124.128.741.854
4. Tài sản dài hạn khác	268		22.937.481.132	22.937.481.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			
(270=100+200)			17.698.795.735.776	13.917.930.244.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.681.356.971.208	3.204.770.523.758
I. Nợ ngắn hạn	310		2.995.517.551.891	2.151.651.816.461
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	869.008.139.154	771.382.083.149
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	71.911.963.956	124.292.938.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	296.882.468.676	389.655.826.646
4. Phải trả người lao động	314		219.267.116.813	173.860.882.277
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	802.572.736.521	337.883.833.828
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.181.819	18.181.819
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	69.965.282.982	74.252.202.749
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	202.043.481.704	200.133.810.219
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	375.437.729.910	20.327.222.568
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		88.410.450.356	59.844.834.836
II. Nợ dài hạn	330		685.839.419.317	1.053.118.707.297
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	3.385.964.000	8.526.946.700
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	505.108.697.415	700.468.329.150
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		132.540.000.000	132.540.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	-	165.486.270.110
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		44.804.757.902	46.097.161.337

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.017.438.764.568	10.713.159.720.643
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	14.017.438.764.568	10.713.159.720.643
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.497.039.984.859	3.497.039.984.859
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.401.099.929.390	3.085.566.955.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		962.657.286.718	53.257.339.727
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.438.442.642.672	3.032.309.615.410
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		186.415.760.581	197.669.690.909
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		17.698.795.735.776	13.917.930.244.401

Trần Xuân Thảo
 Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		18.744.713.575.383	12.881.680.840.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		117.534.031.118	95.539.647.280
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	18.627.179.544.265	12.786.141.193.352
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	10.788.959.662.813	8.000.602.438.317
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	28	7.838.219.881.452	4.785.538.755.035
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	365.063.532.585	175.513.945.627
7. Chi phí tài chính	22	31	85.257.284.733	74.648.067.031
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.787.709.845	69.266.472.919
8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24		2.662.097.523	2.503.197.142
9. Chi phí bán hàng	25	32	977.707.327.576	817.762.955.253
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	556.278.720.793	424.973.596.372
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		6.586.702.178.458	3.646.171.279.148
12. Thu nhập khác	31		21.118.924.268	155.255.174.993
13. Chi phí khác	32		2.239.166.716	1.955.231.521
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		18.879.757.552	153.299.943.472
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.605.581.936.010	3.799.471.222.620
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	1.129.400.312.150	605.412.217.929
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(108.709.662.383)	22.542.704.132
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.584.891.286.243	3.171.516.300.559
<i>Trong đó:</i>				
18.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.564.877.377.993	3.117.133.794.101
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.013.908.250	54.382.506.458
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	13.897	7.324

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	6.605.581.936.010	3.799.471.222.620
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	514.801.559.639	536.986.110.692
Các khoản dự phòng	03	329.374.106.479	36.040.728.360
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.492.199.435	(4.822.786.402)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(330.771.138.384)	(168.460.157.280)
Chi phí lãi vay	06	64.787.709.845	69.266.472.919
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	20.000.000.000
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	7.188.266.373.024	4.288.481.590.909
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	80.003.832.513	(149.969.462.576)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.258.270.907.215)	(1.278.636.166.868)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	516.135.552.056	189.583.186.815
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(21.066.197.693)	16.446.824.039
Tiền lãi vay đã trả	14	(64.435.955.328)	(73.836.553.165)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.209.088.866.037)	(302.161.819.901)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(270.280.230.233)	(173.836.027.596)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	4.961.263.601.087	2.516.071.571.657
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(77.483.959.653)	(221.937.019.045)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.494.306.734	298.617.437
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.790.000.000.000)	(5.640.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.365.000.000.000	4.370.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	273.435.614.320	172.717.516.126
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(3.226.554.038.599)	(1.318.920.885.482)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.059.193.105.000	724.557.695.286
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.258.761.624.358)	(869.427.255.390)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.977.035.742.700)	(557.564.743.740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.176.604.262.058)	(702.434.303.844)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(441.894.699.570)	494.716.382.331
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.524.115.312.966	2.029.198.585.342
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.620.439.673	200.345.293
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.083.841.053.069	2.524.115.312.966

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc*Ngày 28 tháng 02 năm 2023*

(Phần thuyết minh BCTC, xin vui lòng xem toàn văn BCTC đã được công bố tại website www.dpm.vn)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch
Ông Lê Cự Tân	Thành viên
Ông Louis T.Nguyen	Thành viên
Ông Dương Trí Hội	Thành viên
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Lê Vinh Văn	Thành viên
Ông Lương Phương	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2023.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng

ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trần Xuân Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 2 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.865.257.863.969	8.810.364.218.905
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.808.047.736.004	2.188.219.575.490
1. Tiền	111		229.047.736.004	454.219.575.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.579.000.000.000	1.734.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	6.880.000.000.000	3.435.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.880.000.000.000	3.435.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		471.809.004.056	507.600.510.904
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	227.234.791.466	352.948.945.323
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	86.192.000.501	64.745.171.999
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	391.808.962.378	323.383.143.871
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.426.873.759)	(233.476.873.759)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		123.470	123.470
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.425.833.726.401	2.405.764.838.500
1. Hàng tồn kho	141		3.615.102.278.650	2.409.044.704.838
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(189.268.552.249)	(3.279.866.338)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		279.567.397.508	273.779.294.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	19.886.125.835	13.104.672.883
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		256.414.054.424	257.422.886.104
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	3.267.217.249	3.251.735.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.401.775.777.745	4.671.324.415.648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		891.100.000	743.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	891.100.000	743.500.000
II. Tài sản cố định	220		3.184.274.440.050	3.639.836.214.333
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.418.219.118.833	2.861.285.805.874
- Nguyên giá	222		11.292.934.008.054	11.354.237.696.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.874.714.889.221)	(8.492.951.891.058)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	766.055.321.217	778.550.408.459
- Nguyên giá	228		1.095.723.350.518	1.094.963.751.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(329.668.029.301)	(316.413.342.959)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	200.140.392.532	209.845.313.863
- Nguyên giá	231		317.953.542.202	317.953.542.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(117.813.149.670)	(108.108.228.339)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		221.063.402.425	176.207.135.661
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	221.063.402.425	176.207.135.661
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	416.941.624.631	420.490.293.169
1. Đầu tư vào công ty con	251		386.250.000.000	386.250.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		680.903.000.000	680.903.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(670.713.375.369)	(667.164.706.831)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		378.464.818.107	224.201.958.622
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	31.633.279.429	13.075.483.937
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17	173.665.225.290	64.060.251.699
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	150.228.832.256	124.128.741.854
4. Tài sản dài hạn khác	268		22.937.481.132	22.937.481.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		17.267.033.641.714	13.481.688.634.553

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh		Số cuối năm	Số đầu năm
	Mã số			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.488.290.974.180	2.978.940.166.572
I. Nợ ngắn hạn	310		2.935.834.528.363	2.058.361.459.275
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	879.403.208.119	764.694.984.801
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	80.047.629.472	142.342.302.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	291.665.337.759	360.338.843.456
4. Phải trả người lao động	314		198.754.406.021	152.665.402.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	795.678.024.194	326.825.063.587
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	48.541.273.296	68.751.442.570
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	202.043.481.704	200.133.810.219
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	375.437.729.910	20.327.222.568
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		64.263.437.888	22.282.386.689
II. Nợ dài hạn	330		552.456.445.817	920.578.707.297
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	2.542.990.500	8.526.946.700
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	505.108.697.415	700.468.329.150
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	-	165.486.270.110
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		44.804.757.902	46.097.161.337
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.778.742.667.534	10.502.748.467.981
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	13.778.742.667.534	10.502.748.467.981
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.444.814.857.841	3.444.814.857.841
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.401.044.719.955	3.125.050.520.402
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.004.347.132.402	147.900.808.606
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.396.697.587.553	2.977.149.711.796
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		17.267.033.641.714	13.481.688.634.553

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		16.622.736.226.086	11.654.886.608.142
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	157.967.795.350	52.494.617.611
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	16.464.768.430.736	11.602.391.990.531
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	9.003.934.350.186	7.221.660.978.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.460.834.080.550	4.380.731.012.415
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	442.796.721.799	197.327.500.376
7. Chi phí tài chính	22	30	81.865.010.414	72.392.854.149
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		61.534.621.526	67.647.646.187
8. Chi phí bán hàng	25	31	844.472.321.427	687.894.825.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	484.612.685.216	355.121.608.650
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.492.680.785.292	3.462.649.224.428
11. Thu nhập khác	31		16.069.847.262	150.947.981.287
12. Chi phí khác	32		1.945.364.179	1.731.044.180
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.124.483.083	149.216.937.107
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.506.805.268.375	3.611.866.161.535
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	1.105.712.654.413	550.156.610.990
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	(109.604.973.591)	31.309.838.749
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.510.697.587.553	3.030.399.711.796

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	6.506.805.268.375	3.611.866.161.535
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	503.776.378.828	526.231.286.934
Các khoản dự phòng	03	379.111.591.681	36.040.728.360
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.498.230.435	(4.219.047.890)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(408.337.507.809)	(187.788.403.455)
Chi phí lãi vay	06	61.534.621.526	67.647.646.187
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	20.000.000.000
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	7.047.388.583.036	4.069.778.371.671
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	98.567.128.998	(305.060.580.285)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.232.157.664.214)	(1.052.765.608.827)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	510.176.671.050	226.103.325.200
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(25.339.248.444)	17.215.062.849
Tiền lãi vay đã trả	14	(61.669.540.469)	(72.217.726.433)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.155.893.778.102)	(268.300.750.006)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(237.343.440.236)	(155.865.893.853)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	4.943.728.711.619	2.458.886.200.316
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(72.998.283.681)	(219.401.650.245)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.494.306.734	278.390.164
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.790.000.000.000)	(5.600.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.345.000.000.000	4.350.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	345.711.346.277	192.355.519.651
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(3.169.792.630.670)	(1.276.767.740.430)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	250.000.000.000	49.787.745.286
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(449.568.519.358)	(194.657.305.391)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.956.159.729.750)	(548.105.235.240)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(2.155.728.249.108)</i>	<i>(692.974.795.345)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(381.792.168.159)	489.143.664.541
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.188.219.575.490	1.699.179.830.219
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.620.328.673	(103.919.270)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.808.047.736.004	2.188.219.575.490

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

(Phần thuyết minh BCTC, xin vui lòng xem toàn văn BCTC đã được công bố tại website www.dpm.vn)

Phần 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều 13 của Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí -CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện 2022:

* ĐHĐCĐ đã chấp thuận kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022 của Tổng công ty tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 23/06/2022 và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 27/12/2022, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Chi cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ dự kiến: 70%/mệnh giá cổ phiếu, từ nguồn lợi nhuận thực hiện 2022 và nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 chuyển sang.
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 20% LNST tương đương 116,45 tỷ đồng .
- Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2022 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 vào kỳ họp ĐHĐCĐ năm 2023 cho phù hợp.

* Với kết quả SXKD năm 2022 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, Hội đồng quản trị đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận 2022 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền
1	Số dư lợi nhuận chưa phân phối chuyển qua		1.003.744.030.585
2	Lợi nhuận sau thuế 2022		5.510.697.587.553
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2022	(3=3.1+3.2+3.3)	1.339.210.517.511
3.1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016	119.798.000.000
	<i>Trong đó: - Quỹ KTPL người lao động</i>		117.273.000.000
	<i>- Quỹ thưởng người quản lý</i>		2.525.000.000
3.2	Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động		117.273.000.000
3.3	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(3.3=2*20%)	1.102.139.517.511
4	Lợi nhuận còn lại năm 2022 sau khi trích lập các quỹ	(4=2-3)	5.175.231.100.627
5	Chia cổ tức		2.739.339.820.000
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)	70%/mệnh giá	7.000
6	Lợi nhuận chuyển sang năm 2023	(6=4-5)	2.435.891.280.627

Ghi chú:

- + LNST lấy theo BCTC 2022 sau kiểm toán
- + Quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động: tương đương 3 tháng lương thực hiện của Người lao động (quỹ lương Người lao động là 469.091.304.000 đ)
- + Quỹ Thưởng của người quản lý: tương đương 1,5 tháng lương của Người quản lý.
- + Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động: 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

II. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:

Tt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chuyển sang		2.435.891.280.627
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo KH được chấp thuận		2.207.000.000.000
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2023	$(3=3.1+3.2+3.3+3.4)$	560.736.000.000
3.1	Trích quỹ KT-PL người lao động	Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016	117.000.000.000
3.2	Trích quỹ thưởng người quản lý		2.336.000.000
3.3	Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động		20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch
3.4	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	$(3.4=2*20\%)$	441.400.000.000
4	Lợi nhuận còn lại năm 2023 sau khi trích lập các quỹ	$(4=2-3)$	1.646.264.000.000
5	Tổng lợi nhuận để lại đến năm 2023	$(5=1+4)$	4.082.155.280.627
6	Chia cổ tức		2.047.737.040.000
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)		4.000
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2024	$(7=5-6)$	2.034.418.240.627

Ghi chú:

- + Quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động: Theo KH 2023, tương đương 3 tháng lương;
- + Quỹ Thưởng của người quản lý: tương đương 1,5 tháng lương của Người quản lý.
- + Cổ tức được chia trên dự kiến vốn điều lệ đã tăng lên 5.120 tỷ đồng.
- + Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động: 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2023 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 cho phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Dũng

Phần 6 - BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022, Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của PVFCCo năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

- Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Phân Bón và Hoá chất Dầu khí – Công ty cổ phần (Tổng công ty) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 30/06/2007 và được sửa đổi bổ sung tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

Ban kiểm soát Tổng công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí – CTCP, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua:

1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022, Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023;
2. Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2023.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Huỳnh Kim Nhân

MỤC 1.

A. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023:

Ban kiểm soát đã triển khai kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất, tham gia đầy đủ các cuộc họp của Tổng công ty, ban hành các Quyết định, kiến nghị liên quan đến hoạt động sản xuất của đơn vị và thực hiện hoàn thành Kế hoạch hoạt động năm 2022.

I. Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty:

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả hoạt động của Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và đánh giá Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức rất cao so với các chỉ tiêu SXKD năm 2022 do ĐHĐCĐ quyết nghị, phản ánh đúng, trung thực hoạt động của Tổng công ty cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2022:

❖ Sản lượng sản xuất:

- Urê PM: 917.062 tấn - đạt 111% KH năm, tăng 15% so với cùng kỳ 2021.
- UFC85: 13.231 tấn - đạt 103% KH năm, tăng 10% so với cùng kỳ 2021.
- NPK PM: 155.471 tấn - đạt 94% KH năm, giảm 4% so với cùng kỳ 2021.
- NH3 (thương mại): 74.412 tấn - đạt 106% KH năm, tăng 8% so với cùng kỳ 2021.

❖ Sản lượng kinh doanh:

- Urê PM: 791.157 tấn - đạt 99% KH năm, tăng 6% so với cùng kỳ 2021.
- NPK PM: 129.000 tấn - đạt 78% KH năm, giảm 15% so với cùng kỳ 2021.
- Phân bón tự doanh: 209.163 tấn - đạt 80% KH năm, giảm 13% so với cùng kỳ 2021.
- NH3 (thương mại): 71.488 tấn - đạt 102% KH năm, tăng 2% so với cùng kỳ 2021.
- UFC85: 9.544 tấn - đạt 112% KH năm, tăng 2% so với cùng kỳ 2021.
- Hóa chất khác: 1.031 tấn - đạt 154% KH năm, tăng 37% so với cùng kỳ 2021.

❖ Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất:

- Doanh thu hợp nhất: 19,013 tỷ đồng - đạt 110% KH năm, tăng 45% so với cùng kỳ 2021.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 6,606 tỷ đồng - đạt 160% KH năm, tăng 74% so với cùng kỳ 2021.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 5,585 tỷ đồng - đạt 161% KH năm, tăng 76% so với cùng kỳ 2021.
- Tổng tài sản hợp nhất đến 31/12/2022 là 17.699 tỷ đồng, tăng 27% so với đầu năm (17.699/13.918).
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 45,17%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) đạt 35.33%.
- Hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm 31/12/2022 đạt 1,3 lần.

2. Về công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng:

- Tổ hợp dự án nâng công suất phân xưởng NH3 và Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học hoàn thành đưa vào sử dụng, đã ban hành báo cáo quyết toán, ban hành báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành và trình cấp thẩm quyền tiến hành thẩm tra theo quy định.

- Hoàn thành đàm phán hợp đồng BCC với PVChem về dự án nhà máy sản xuất Ôxy già H₂O₂.
- Tổng công ty đã lựa chọn nhà thầu và khởi công gói thầu EC dự án kho chứa bao thành phẩm 20 nghìn tấn tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ.
- 3. Về công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp & hoàn thiện chiến lược, công tác quản lý, điều hành:
 - Bám sát lộ trình thực hiện “Phương án tái cơ cấu tổ chức Mô hình tổ chức của Tổng công ty giai đoạn 2020-2025”. Hoàn thành giai đoạn 1 thí điểm sắp xếp lại chức năng nhiệm vụ của 2 Ban có hoạt động chuyên môn gắn với Nhà máy và chuyển địa điểm làm việc của 2 Ban này xuống Nhà máy.
 - Rà soát cập nhật kế hoạch 2022-2025 và chiến lược phát triển của PVFCCo đến năm 2035, tầm nhìn đến 2045, song song với việc tái cấu trúc mô hình kinh doanh, phân phối các sản phẩm phù hợp với chiến lược phát triển của TCT.
- 4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty:

Các chỉ tiêu doanh thu hợp nhất tăng rất cao, chi phí bán hàng, chi phí quản lý được kiểm soát, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt cao và vượt xa kế hoạch, nộp ngân sách Nhà nước đạt 1.539 tỷ đồng tăng 254% so với năm 2021. Báo cáo tài chính của Tổng công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty, việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, việc sử dụng nguồn vốn, đầu tư mua sắm đúng với các quy định hiện hành.

II. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ, phối hợp tổ chức kiểm tra và có báo cáo kiến nghị về hoạt động SXKD năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 của các công ty thành viên.
- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, các thành viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:
 1. **Ông Huỳnh Kim Nhân** – Trưởng Ban kiểm soát.
 - Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - Phê duyệt Kế hoạch hoạt động kiểm tra giám sát định kỳ, đột xuất và theo dõi công tác kiểm tra giám sát thường xuyên các quy trình, quy chế, quy định chính sách của Tổng công ty;
 - Giám sát việc xây dựng thực hiện chiến lược, công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp, công tác sản xuất kinh doanh;
 - Đề xuất phê duyệt kế hoạch chọn lựa đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Tổng công ty.
 2. **Ông Lê Vinh Văn** – Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách.
 - Kiểm tra, giám sát định kỳ các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, tiến độ các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của TCT;
 - Theo dõi việc đầu tư góp vốn vào các dự án liên doanh, liên kết của Tổng công ty, giám sát việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật;
 - Giám sát công tác quản lý tài chính, việc sử dụng và bảo toàn vốn tại Tổng công ty.
 3. **Ông Lương Phương** – Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm.
 - Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - Giám sát công tác nghiên cứu phát triển, sử dụng quỹ phát triển Khoa học & công nghệ và

thực hiện chế độ tiền lương công ty mẹ - công ty con;

- Giám sát hoạt động các công ty liên kết.

Đánh giá chung:

Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực, chủ động giải quyết công việc độc lập, đề xuất xử lý các vấn đề trong phạm vi công việc được phân công và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

III. Thù lao, chi phí hoạt động các lợi ích khác của Ban kiểm soát và các thành viên:

- Tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên được xây dựng, thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và theo Nghị định được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua như sau:

TT	Họ & tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao	Tiền thưởng	Tổng thu nhập
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban	1.594	199	1.793
2	Lê Vinh Văn	Thành viên	1.311	164	1.475
3	Lương Phương	Thành viên	291	-	291
	Tổng cộng (triệu đồng)		3.196	363	3.560

- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát là 546,49 triệu đồng, bao gồm: Chi phí văn phòng phẩm, trang thiết bị, cước điện thoại, internet, công tác phí và chi phí tiếp khách, hội họp, đã được hạch toán vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, và được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty.

IV. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp theo quy định phân công nhiệm vụ, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát, thẩm định báo cáo tài chính quý/6 tháng/năm, thông qua báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban Kiểm soát, chi tiết như sau:

Phiên họp	Nội dung kết luận, các kiến nghị
Phiên 1 24/03/2022	- Thống nhất nội dung trong Báo cáo hoạt động của BKS TCT năm 2021 trình ĐHĐCĐ năm 2022; - Thông qua nội dung thẩm định BCTC năm 2021; - Tình hình SXKD Quý I năm 2022; - Thông qua kết quả thẩm định b/c tiền lương thực hiện tại công ty mẹ 2021; - KH kiểm tra kết quả hoạt động SXKD năm 2021 tại các Công ty thành viên và trực thuộc; - KH hoạt động Quý 2/2022.
Phiên 2 24/06/2022	- Công tác giám sát 6 tháng đầu năm 2022; - Lựa chọn đơn vị soát xét, kiểm toán BCTC năm 2022 tại PVFCCo; - Kế hoạch hoạt động quý III/2022.
Phiên 3 29/09/2022	- Công tác giám sát 9 tháng đầu năm 2022;

Phiên họp	Nội dung kết luận, các kiến nghị
	- Kết quả kiểm tra giám sát thực hiện KH SXKD năm 2021 của các Công ty con và trực thuộc ; - Giám sát XD KH SXKD năm 2023; - Kế hoạch hoạt động quý IV/2022.
Phiên 4 27/12/2022	- Tổng kết công tác giám sát năm 2022; - Kế hoạch hoạt động của BKS 2023.

V. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, các công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó:

PVFCCo tuân thủ thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020; khoản 5 điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Điều 26, Điều lệ PVFCCo. Các hợp đồng, giao dịch thực hiện với các bên liên quan như sau:

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2022 không phát sinh các giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với các tổ chức, cá nhân có liên quan:
 - + Hợp đồng mua bán khí với Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas).
 - + Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thương hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).
- Hợp đồng mua bán sản phẩm giữa Tổng công ty với 4 công ty con trực thuộc: Đến 31/12/2022, tổng số vốn góp vào các Công ty con không thay đổi, tỷ lệ vốn góp 75%/VĐL là 386,25 tỷ đồng, các Công ty này làm hệ thống đại lý, phân phối sản phẩm của Tổng công ty, các giao dịch mua bán đúng quy định, đúng điều lệ Tổng công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với những bên có liên quan khác (theo nội dung đã công bố thông tin chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022).

Tùy theo từng giá trị hợp đồng, giao dịch có liên quan mà Tổng công ty thực hiện các thủ tục theo đúng thẩm quyền quy định để công bố thông tin kịp thời.

VI. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp (công ty con) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có.

VII. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác:

Tổng công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết nghị các vấn đề SXKD năm 2022, ủy quyền quyết toán giá khí giai đoạn 2014-2018 và tăng tỷ lệ chia cổ tức. Các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực, thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền đề HĐQT ra quyết định, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc TCT triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công, tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị. Cùng với Ban điều hành chỉ đạo và thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quyết định điều hành kịp thời, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

VIII. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông:

- Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT, Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT, Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của Tổng công ty, kiểm tra giám sát hoạt động tại các Công ty thành viên để có những kiến nghị, biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước.

IX. Báo cáo thẩm định về các nội dung:

- Thẩm định Báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ/ hợp pháp trung thực của báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT... đúng với điều 170 Luật doanh nghiệp.

X. Kiến nghị:

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông. Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2023, Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT, TGD Tổng công ty:

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển Tổng công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết.
- Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt quyết toán vốn Tổ hợp dự án nâng công suất phân xưởng NH3 và Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học để ghi nhận đúng giá trị tài sản và phân loại để tính khấu hao được đầy đủ, chính xác, đúng quy định.
- Đề nghị HĐQT có ý kiến với PVFCCo xử lý, khắc phục các kiến nghị của Ban kiểm soát theo quy định.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023:

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả kế hoạch hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát năm 2023;
- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, chú trọng kiểm tra giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý giá thành sản xuất, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí bán hàng;
- Thực hiện và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- Nâng cao vai trò của Ban Kiểm soát trong việc giám sát các hoạt động quản lý và điều hành Tổng công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- Nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát và cảnh báo rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài chính tại các Công ty liên doanh, liên kết;
- Giám sát việc bảo toàn vốn của cổ đông.

Mục 2

ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2023

Để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP theo quy định của pháp luật và Điều lệ TCT, Ban kiểm soát đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty Ernst and Young;
3. Công ty Pricewaterhouse&Cooper.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Phần 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THỪA, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

I. Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2022:

Kế hoạch Ngân sách 2022 được ĐHCĐ thông qua: **12.147 triệu đồng** (số tạm tính, việc xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện năm 2022 sẽ được thực hiện theo quy định của Nhà nước). Kết quả thực hiện năm 2022 (thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội) như sau:

ĐV tính: triệu đồng

TT	Họ & tên	Chức danh	Quỹ lương, thưởng		
			Tiền lương/thù lao	Tiền thưởng	Tổng thu nhập
I.	Hội đồng quản trị		6.977	831	7.808
1	Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT	1.739	217	1.957
2	Lê Cự Tân	Thành viên HĐQT, TGD	1.837	230	2.067
3	Dương Trí Hội	Thành viên HĐQT	1.594	199	1.793
4	Trịnh Văn Khiêm	Thành viên HĐQT	1.476	185	1.661
5	Louis T Nguyễn	Thành viên HĐQT độc lập	331	-	331
II.	Ban Kiểm soát:		3.196	363	3.560
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban Kiểm soát	1.594	199	1.793
2	Lê Vinh Văn	Kiểm soát viên	1.311	164	1.475
3	Lương Phương	Kiểm soát viên không chuyên trách	291	-	291
	Tổng cộng		10.249	10.173	11.367

II. Kế hoạch về tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2023:

Năm 2023, PVFCCo tiếp tục áp dụng quản lý tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS Tổng Công ty theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-LĐTBXH. Căn cứ theo tình hình thực hiện năm 2022 và KH SXKD năm 2022, vì vậy PVFCCo xây dựng KH Quỹ lương, thù lao, thưởng của HĐQT, BKS 2023 như sau:

- Quỹ lương, thù lao, thưởng của HĐQT, BKS (tạm tính): **10.527 triệu đồng.**
- Dự phòng 10%: **1.053 triệu đồng.**
- Tổng cộng: **11.580 triệu đồng.**

Kính báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Dũng

Phần 8 – TỜ TRÌNH THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

TỜ TRÌNH

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Theo báo cáo tài chính của công ty mẹ Tổng công ty tại ngày 31/12/2022, tổng vốn chủ sở hữu đạt 13.779 tỷ đồng, chênh lệch cao gấp 3,5 lần vốn điều lệ là 3.914 tỷ đồng.

Để đảm bảo tình hình chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của Tổng công ty hợp lý, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 xem xét thông qua chủ trương ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Tổng công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Dũng

Phần 9 – TỜ TRÌNH THÔNG QUA NỘI DUNG CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

TỜ TRÌNH

V/v: cập nhật nội dung đăng ký một số ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Tổng công ty xin báo cáo về việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh đã đăng ký của Tổng công ty, cụ thể như sau:

Ngày 16/02/2023, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 667/UBCK-PTTT phản hồi về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (SHNN) tối đa của Tổng công ty, trong đó UBCK cho biết tỷ lệ SHNN 49% tại Tổng công ty theo thông báo là chưa xác định được, vì một số ngành nghề hiện hữu của Tổng công ty nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận.

Để Tổng công ty tiếp tục được xác định tỷ lệ SHNN là 49%, Tổng công ty cần điều chỉnh loại trừ một số ngành nghề chi tiết trong danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh hiện hữu của Tổng công ty, để Tổng công ty có cơ sở Thông báo xác định lại tỷ lệ SHNN tối đa tại doanh nghiệp theo yêu cầu tại công văn số 667/UBCK-PTTT của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Xét thấy các ngành nghề chi tiết này, Tổng công ty không có nhu cầu thực hiện theo định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, do đó Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua điều chỉnh về Chi tiết nội dung ngành nghề đăng ký kinh doanh như sau:

Stt	Tên ngành nghề đăng ký	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng.</i>	6810
2.	Bán buôn nông – lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở); <i>Chi tiết: trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo đường mía và đường củ cải.</i>	4620
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. <i>Chi tiết: trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải và dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải.</i>	5222
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên đến vận tải (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh đường hàng không) <i>Chi tiết: trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến</i>	5229

Stt	Tên ngành nghề đăng ký	Mã ngành
	<i>hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải và dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải.</i>	
5.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP HCM); Chi tiết: <i>trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo đường mía và đường củ cải.</i>	4791
6.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; thực hiện theo Quyết định 60/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND TP HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP HCM về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn TP HCM); Chi tiết: <i>trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo đường mía và đường củ cải.</i>	4719
7.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Chi tiết: <i>trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện).</i>	7120

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Dũng

Phần 10 – TỜ TRÌNH THÔNG QUA NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

TỜ TRÌNH

V/v thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Và căn cứ theo tình hình, nhu cầu quản trị điều hành Tổng công ty,

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét:

1. Thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty như đính kèm và ban hành bản Điều lệ với các nội dung sửa đổi, bổ sung được thông qua;

2. Thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty như đính kèm; Giao cho HĐQT ban hành bản Quy chế với các nội dung sửa đổi, bổ sung được thông qua và ủy quyền cho HĐQT chịu trách nhiệm tiếp tục xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời các nội dung cần thiết căn cứ theo quy định của pháp luật và Điều lệ TCT (nếu có);

3. Thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty như đính kèm; Giao cho HĐQT ban hành bản Quy chế với các nội dung sửa đổi, bổ sung được thông qua và ủy quyền cho HĐQT chịu trách nhiệm tiếp tục xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời các nội dung cần thiết căn cứ theo quy định của pháp luật và Điều lệ TCT (nếu có);

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Dũng

BẢNG TỔNG HỢP DỰ THẢO CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
1.	[Điều lệ chưa có định nghĩa về: “Công ty con”, “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị”, “Ban kiểm soát”, “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát”, “Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty”]	Khoản 1, Điều 1. b. “Công ty con” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp: (i) do Tổng công ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (ii) Tổng công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó. d. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của Tổng công ty. e. “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị” là quy chế quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan. f. “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Tổng công ty. g. “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát” là quy chế quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của các thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan. h. “Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty” là quy chế được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và do Hội đồng quản trị ban hành, quy	Bổ sung định nghĩa cho một số thuật ngữ sử dụng nhiều trong Điều lệ Tổng công ty

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		định về quản trị, điều hành Tổng công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	
2.	Điểm d, Khoản 1, Điều 1. (<i>Điểm i, Khoản 1, Điều 1 trên bản dự thảo</i>) “Vốn Điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần do các cổ đông đã mua các loại và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.	Điểm i, Khoản 1, Điều 1. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán và được ghi tại Điều 6 của Điều lệ này.	Sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp (khoản 34, Điều 4)
3.	Điểm k, Khoản 1, Điều 1. (<i>Điểm p, Khoản 1, Điều 1 trên bản dự thảo</i>) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định theo Luật Chứng khoán.	Điểm p, Khoản 1, Điều 1. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.	Sửa đổi phù hợp với Luật chứng khoán
4.	Khoản 7, Điều 2. Logo của Tổng công ty được thiết kế, quản lý, sử dụng trên cơ sở thỏa thuận về chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Tổng công ty và công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.	Khoản 7, Điều 2. Logo của Tổng công ty được thiết kế để phù hợp với Hệ thống nhận diện Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ; được quản lý, sử dụng trên cơ sở thỏa thuận về chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.	Sửa đổi phù hợp với thực tế
5.	Khoản 1, Điều 4: Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty	Cập nhật lại toàn bộ nội dung ngành nghề kinh doanh của Công ty từ điểm a đến điểm y của khoản 1, Điều 4	Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh trong Điều lệ theo đúng ngành nghề kinh doanh đã được Phòng đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
6.	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.	Sửa đổi phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.
7.	Điểm a, Khoản 2, Điều 11. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp	Điểm a, Khoản 2, Điều 11. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 115 của Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp.
8.	Điểm b, Khoản 3, Điều 11. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: a.... b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cần bầu tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, tối đa bằng với số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cần bầu...	Điểm b, Khoản 3, Điều 11. a... b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	Sửa điểm b theo đúng Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp
9.	Điểm c, Khoản 3, Điều 13	Điểm c, Khoản 3, Điều 13	Sửa đổi cho rõ nghĩa

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan	c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng một văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan, hoặc được lập thành nhiều bản với cùng nội dung và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan	
10.	Điểm c, Khoản 4, Điều 13 c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Điểm c, Khoản 4, Điều 13 c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi phù hợp với Luật DN và Điều lệ mẫu
11.	Điểm n, Khoản 1, Điều 14. 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây: n. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.	Điểm n, Khoản 1, Điều 14. n. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.	Bổ sung theo quy định của pháp luật
12.	Điểm f, Khoản 2, Điều 14. f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.	Điểm f, Khoản 2, Điều 14. f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.	Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật DN.

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
13.	Khoản 3, Điều 14. Chưa có quy định về các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật	Điểm c, Khoản 3, Điều 14. Trường hợp quy định tại Điều 84 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các trường hợp khác do pháp luật quy định.	Bổ sung theo quy định của pháp luật
14.	Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông [chưa quy định về trường hợp ủy quyền lại]	Bổ sung Khoản 3 vào Điều 15. 3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).	Bổ sung quy định để phù hợp với yêu cầu thực tế
15.	Khoản 3, Điều 16. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.	Khoản 3, Điều 16. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này.	Điều chỉnh tham chiếu lại cho phù hợp
16.	Khoản 4, Điều 17. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Khoản 4, Điều 17. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Theo đề nghị Chủ tọa tại buổi họp, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 của Điều này.	Chuyển nội dung Khoản 5 Điều 18 vào Khoản 4 Điều 17 cho phù hợp.
17.	Khoản 6, Điều 17.	Khoản 6, Điều 17.	Bổ sung theo quy định của pháp luật

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 của Điều này.	
18.	Khoản 1 Điều 18. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông được xác định tham dự cuộc họp bao gồm những người: Có mặt tại cuộc họp; Tham dự cuộc họp thông qua hệ thống trực tuyến; Tham dự cuộc họp bằng hình thức bỏ phiếu từ xa.	Khoản 1 Điều 18. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông được xác định tham dự cuộc họp bao gồm những người quy định tại khoản 6 Điều 12 Điều lệ này.	Sửa đổi phù hợp với điều khoản liên quan theo Điều lệ
19.	Khoản 3, 4 Điều 18. 3. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp có quyền tuyên bố hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết. 4. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong	Khoản 3, 4 Điều 18. 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết. 4. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong	Sửa đổi phù hợp với LDN và Điều lệ mẫu.

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	
20.	Khoản 5 Điều 18. Theo đề nghị Chủ tọa tại buổi họp, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.	Chuyển toàn bộ khoản 5 Điều 18 sang khoản 4 Điều 17	Để đảm bảo tính phù hợp về nội dung quy định.
21.	Khoản 10 Điều 19. Trường hợp Tổng công ty áp dụng giải pháp công nghệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định. Theo đó, Hội đồng quản trị xây dựng, thông qua quy chế để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và tổ chức lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản theo phương thức trực tuyến, phương thức kết hợp họp trực tiếp/trực tuyến và phương thức để cổ đông tham dự và biểu quyết từ xa trên cơ sở quy định của pháp luật, nền tảng kỹ thuật/công nghệ phù hợp và đảm bảo tuân thủ Điều lệ này về các nguyên tắc cơ bản của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nguyên tắc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Khoản 10 Điều 19. Trường hợp Tổng công ty áp dụng giải pháp công nghệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức công nghệ khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị xây dựng thể thức họp trực tuyến trong nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở quy định của pháp luật, nền tảng kỹ thuật/công nghệ phù hợp và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 19. Nội dung liên quan đến hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua phương thức trực tuyến chuyển sang một khoản tương ứng tại Điều 21
22.	Điều 20. Hình thức thông qua quyết định tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Hình thức, điều kiện thông qua quyết định tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung tiêu đề phù hợp với nội dung của điều khoản

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
23.	Điểm c, Khoản 5, Điều 21. 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	Điểm c, Khoản 5, Điều 21. c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	Bổ sung thêm “phương thức gửi phiếu biểu quyết” (theo khoản 5 Điều 22 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020-TT-BTC)
24.	Khoản 6, Điều 21. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có quy định khác về thời hạn công bố biên bản và nghị quyết thì tuân thủ theo quy định đó.	Khoản 6, Điều 21. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có quy định khác về thời hạn công bố biên bản và nghị quyết thì tuân thủ theo quy định đó.	Sửa đổi phù hợp theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020-TT-BTC)
25.	Khoản 8 Điều 21. 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 9 Điều này.	Khoản 8, Điều 21. 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 9 Điều này.	Sửa đổi theo khoản 4 điều 148 Luật DN.
26.	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung khoản 10, Điều 21.	Tương tự lý do bổ sung khoản 10 Điều 19 nêu trên

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		10. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều này có thể được Tổng công ty kết hợp áp dụng giải pháp công nghệ đảm bảo để Tổng công ty gửi phiếu lấy ý kiến cho cổ đông và cổ đông gửi lại phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết cho Tổng công ty theo các hình thức công nghệ phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị xây dựng quy định về phương thức áp dụng giải pháp công nghệ trong nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty để tổ chức áp dụng trên cơ sở quy định của pháp luật, nền tảng kỹ thuật/công nghệ phù hợp và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định của pháp luật.	
27.	Điểm b, Khoản 5, Điều 22. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không thực hiện đúng như quy định.	Điểm b, Khoản 5, Điều 22. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty.	Bổ sung nội dung “thủ tục triệu tập họp” cho đúng quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật DN
28.	Điểm c, Khoản 5, Điều 22. c. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Điểm c, Khoản 5, Điều 22. c. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi khi nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Sửa đổi theo đúng khoản 3 Điều 152 LDN
29.	Điều 24: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Ứng cử, đề cử và bầu thành viên Hội đồng quản trị	Sửa tên
30.	Khoản 3, Điều 24.	Khoản 3, Điều 24.	Chỉnh sửa nội dung viện dẫn các điều

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	trong Điều lệ cho phù hợp.
31.	[Chưa có nội dung về phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT]	Khoản 5, Điều 24. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì ứng cử viên do nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần lớn hơn đề cử được lựa chọn trúng cử.	Bổ sung theo quy định pháp luật
32.	Khoản 2, Điều 25. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm kể từ khi được bầu vào Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	Khoản 2, Điều 25. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm kể từ khi được bầu vào Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một số cá nhân được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty thì không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.	Sửa đổi cho rõ nghĩa
33.	Khoản 3 Điều 25. 3. Xác định thời gian nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị bắt	Khoản 3 Điều 25. 3. Xác định thời gian nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị bắt	Bổ sung quy định xác định rõ thời gian

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	đầu từ ngày được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị và chấm dứt đương nhiên vào ngày quá thời hạn nhiệm kỳ (ngày sau 5 năm) kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ; hoặc chấm dứt vào thời điểm khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị quy định tại các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều này	đầu tính từ 00 giờ ngày tiếp theo sau ngày được bầu vào Hội đồng quản trị và kết thúc vào thời điểm 24 giờ ngày tương ứng của năm thứ 5 kể cả khi đó là ngày nghỉ. Trường hợp năm thứ 5 không có ngày tương ứng thì nhiệm kỳ sẽ kết thúc vào thời điểm 24 giờ ngày cuối cùng của tháng tương ứng, kể cả khi đó là ngày nghỉ. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị cũng có thể kết thúc trước thời hạn khi thuộc một trong các tình huống quy định tại các khoản 7, 8, 9 Điều này. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên chấm dứt cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ của thành viên, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 154 của Luật Doanh nghiệp.	nhiệm kỳ theo luật Dân sự.
34.	Điểm b, Khoản 7, Điều 25. 7. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: b. Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;	Điểm b, Khoản 7, Điều 25. b. Có đơn từ chức và được chấp thuận	Sửa đổi theo đúng câu chữ trong Luật DN
35.	Khoản 10 Điều 25 10. Tại thời điểm chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền thông qua nghị quyết về việc chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị từ thời điểm quyết nghị, trong các trường hợp:	Bỏ khoản 10	Do chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ về thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc quyết định tư cách thành viên Hội đồng quản trị như quy định này của Điều lệ
36.	Khoản 11 Điều 25 11. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chính thức đối với các trường hợp nêu tại điểm a, b, c, d khoản 10 Điều này tại kỳ họp gần nhất...	Bỏ khoản 11	Do đã bỏ khoản 10 nên khoản 11 không còn ý nghĩa.

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
37.	Điểm h, Khoản 2, Điều 26. h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, và hợp đồng, giao dịch không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp	Điểm h, Khoản 2, Điều 26. h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, và hợp đồng, giao dịch không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Quy định phân cấp quyết định về các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.	Bổ sung theo quy định pháp luật
38.	Điểm i, Khoản 2, Điều 26. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, chính sách tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và chức danh tương đương theo quy định của Điều lệ này; quyết định và/hoặc phân cấp quyết định về công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh cán bộ quản lý khác trong bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các công ty có vốn góp của Tổng công ty theo quy định của Hội đồng quản trị; cử người đại diện phần vốn và người đại diện khác tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác có vốn góp đầu tư của Tổng công ty;	Điểm i, Khoản 2, Điều 26. i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, chính sách tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, chính sách tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và chức danh tương đương theo quy định của Điều lệ này; quyết định và/hoặc phân cấp quyết định về công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh cán bộ quản lý khác trong bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các công ty có vốn góp của Tổng công ty theo quy định của Hội đồng quản trị; cử người đại diện phần vốn và người đại diện khác tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác có vốn góp đầu tư của Tổng công ty;	Bổ sung thêm/tách quy định “ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc” đúng theo quy định điểm i khoản 2 Điều 153 Luật DN

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
39.	Điểm p, Khoản 2, Điều 26. p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán/Bộ phận kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;	Điểm p, Khoản 2, Điều 26. p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban/Tiểu ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;	Sửa đổi để phù hợp với thực tế hiện tại và tương lai.
40.	Khoản 3, Điều 26. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Khoản 3, Điều 26. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật hiện hành.	Sửa đổi để phù hợp với thực tế hiện tại và tương lai.
41.	Khoản 4, Điều 28. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Khoản 4, Điều 28. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận đơn từ chức hoặc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm	Sửa đổi từ ngữ phù hợp
42.	Khoản 6, Điều 29. ... Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.	Khoản 6, Điều 29. ... Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty. Với cuộc họp bất thường, thông báo mời họp và chương trình họp được người triệu tập cuộc họp HĐQT thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp trong một khoảng thời gian hợp lý trước khi tổ chức họp.	Bổ sung theo quy định pháp luật

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
43.	Khoản 13, Điều 29. Ngoài các cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua các nghị quyết, quyết định hoặc nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nghị quyết và các văn bản thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết và các văn bản này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	Khoản 13, Điều 29. Ngoài các cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua các nghị quyết, quyết định hoặc nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nghị quyết và các văn bản thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi ý kiến trả lời bằng văn bản theo địa chỉ và thời hạn yêu cầu tại phiếu lấy ý kiến nhưng không muộn hơn 15 ngày để thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trừ một số trường hợp có thời gian ngắn hơn theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Nghị quyết và các văn bản này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	Bổ sung quy định thời hạn để Thành viên HĐQT có ý kiến biểu quyết. Theo gợi ý của Tư vấn là 15 ngày.
44.	[Điều lệ chưa có quy định về lưu trữ tài liệu cuộc họp]	Khoản 16, Điều 29. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp, phiếu lấy ý kiến, trả lời ý kiến và các tài liệu liên quan đến việc xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.	Bổ sung theo quy định pháp luật
45.	Khoản 1, Điều 30. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành	Tách thành Khoản 1, 2 Điều 30. 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, hỗ trợ hoạt động của HĐQT trong các phạm vi hoạt động cụ thể khi thực thi quyền và trách nhiệm.	Sửa đổi, bổ sung cho rõ nghĩa

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên khác. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	
46.	Khoản 2, Điều 36. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau	Khoản 2, Điều 36. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau	Sửa đổi phù hợp với văn bản pháp luật
47.	Khoản 5, Điều 36. Ban kiểm soát xem xét, quyết định việc chấm dứt tư cách Kiểm soát viên đối với Kiểm soát viên trong các trường hợp: ...	Bỏ khoản 5	Chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ về thẩm quyền của Ban kiểm soát trong việc quyết định tư cách thành viên Ban kiểm soát
48.	Khoản 6, Điều 36. Ban kiểm soát đề xuất để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp nêu tại khoản 5 Điều này tại kỳ họp gần nhất. ...	Bỏ khoản 6	Do đã bỏ khoản 5 nên khoản 6 không còn ý nghĩa.
49.	Điều 38.	Bổ sung câu mở đầu: “Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp 2020 và các quyền và nghĩa vụ sau”	Bổ sung phù hợp với quy định pháp luật
50.	Khoản 7, Điều 38. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của	Khoản 7, Điều 38. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật hiện hành	Sửa đổi phù hợp với thực tế và tương lai

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán		
51.	[Chưa có điều khoản quy định về hiệu lực của Điều lệ]	Điều 59. Hiệu lực của Điều lệ 1. Điều lệ là văn bản nội bộ có giá trị cao nhất trong Tổng công ty, tất cả các văn bản nội bộ khác trái với Điều lệ đều không có giá trị thi hành; kể cả các văn bản nội bộ khác được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua trừ khi đó là văn bản có nội dung ghi rõ sửa đổi bản Điều lệ. Quá trình triển khai, các bộ phận, phòng/ban, cá nhân liên quan phát hiện bất cứ nội dung nào trong Điều lệ này hoặc các Nghị quyết, văn bản nội bộ khác đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua không phù hợp với quy định pháp luật thì báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị được quyền tạm dừng thi hành để trình Đại hội đồng cổ đông chỉnh sửa tại kỳ họp gần nhất nếu xét thấy việc tiếp tục thi hành gây bất lợi cho Tổng công ty, khi họp xem xét tạm dừng thi hành bất cứ nội dung nào trong bản điều lệ này đại diện Ban kiểm soát phải tham gia và cho ý kiến. 2. Ngoài Bản điều lệ, Đại hội cổ đông Tổng công ty còn phê duyệt, thông qua các văn bản nội bộ khác, nếu trong những văn bản nội bộ này có mâu thuẫn với nhau thì các bộ phận, phòng ban, cá nhân liên quan khi phát hiện mâu thuẫn này báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định ưu tiên áp dụng quy định trong văn bản nào trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của Tổng công ty, và trình Đại hội đồng cổ đông chỉnh sửa trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Khi họp xem xét vấn đề này Đại diện Ban kiểm soát phải tham gia và cho ý kiến”.	Bổ sung theo quy định pháp luật

Stt	Nội dung điều khoản tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
52.	Khoản 1, Điều 59. Ngày hiệu lực (<i>Điều 60 trên bản dự thảo</i>) Bản điều lệ này gồm 22 mục, 59 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP thông qua tại kỳ họp ngày 27 tháng 04 năm 2021 và được thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp ngày 23 tháng 06 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ kể từ ngày được thông qua.	Khoản 1, Điều 60. Ngày hiệu lực Bản điều lệ này gồm 22 mục, 60 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ và các nội dung sửa đổi, bổ sung kể từ ngày được thông qua tại: - Kỳ họp ngày 27 tháng 04 năm 2021; - Kỳ họp ngày 23 tháng 06 năm 2022; - Kỳ họp ngày.....tháng 04 năm 2023.	Sửa đổi phù hợp với dự thảo và thực tế thông qua

BẢNG TỔNG HỢP DỰ THẢO CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TCT

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
1.	Chưa có nội dung về mục đích của việc ban hành Quy chế	Bổ sung: Điều 1. Mục đích Mục đích của việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ là triển khai những nguyên tắc quản trị công ty được quy định bởi các văn bản pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty trong hoạt động quản trị thực tế, bảo đảm hoạt động quản trị công ty tuân thủ pháp luật, hiệu quả, hướng tới sự phát triển bền vững. <i>[chuyển các Điều tiếp theo theo thứ tự mới tại dự thảo]</i>	Bổ sung Mục đích ban hành Quy chế tăng tính hoàn thiện cho cơ sở ban hành.
2.	Điều 1. Định nghĩa thuật ngữ (Điều 3 trên bản dự thảo) Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Tổng công ty hoặc trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.	Bổ sung vào Điều 1 cũ và chuyển thành Điều 3. Định nghĩa thuật ngữ Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Tổng công ty hoặc trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật liên quan sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.	Bổ sung phù hợp để phản ánh quy chế phù hợp với văn bản Pháp luật liên quan khi được cập nhật
3.	Chưa có nội dung quy định về cấu trúc quản trị Tổng công ty	Điều 4, Chương II. Cấu trúc quản trị Tổng công ty Cơ cấu tổ chức quản trị Tổng công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và Tổng giám đốc.	Bổ sung mới phù hợp với quy định trong Thông tư 116 – Hướng dẫn ban hành Điều lệ và Quy chế mẫu
4.	Điểm c, Khoản 1, Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty triệu tập cuộc họp bất thường của ĐHĐCĐ trong trường hợp có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường của ĐHĐCĐ nhưng quá thời hạn quy định của	Điểm c, Khoản 1, Điều 6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông này đã yêu cầu nhưng không được HĐQT và BKS triệu tập trong thời gian quy định.	Sửa đổi phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành – Điều 157 Luật DN.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	Điều lệ Tổng công ty mà HĐQT và/hoặc BKS không triệu tập.		
5.	Khoản 1, Điều 5. Lập danh sách và thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Danh sách cổ đông của Tổng công ty được quản lý tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Căn cứ quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ của người có thẩm quyền, Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc Tổng công ty lập thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp theo đúng quy định của VSD để gửi cho VSD và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE). Ngay sau khi VSD/HOSE chấp thuận nội dung thông báo chốt danh sách cổ đông và HOSE đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của HOSE, thông báo chốt danh sách cổ đông được đăng tải trên website của Tổng công ty. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp là ngày lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.	Khoản 1, Điều 7. Lập danh sách và thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Danh sách cổ đông của Tổng công ty được quản lý tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Căn cứ quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ của người có thẩm quyền, Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc Tổng công ty lập thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp theo đúng quy định của VSD để gửi cho VSD và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE). Ngay sau khi VSD/HOSE chấp thuận nội dung thông báo chốt danh sách cổ đông và HOSE đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của HOSE, thông báo chốt danh sách cổ đông được đăng tải trên website của Tổng công ty. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp là ngày lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp. Thời hạn liên quan đến việc lập danh sách cổ đông dự họp và công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông dự họp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 17 Điều lệ Tổng công ty.	Bổ sung quy định chi tiết hơn
6.	Khoản 2, Điều 5. Thông báo triệu tập họp Tổng công ty gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ trước ngày họp ít nhất hai mươi một (21) ngày theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty. Tùy theo điều kiện thực tế, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định lựa chọn một phương thức, một số phương thức hoặc tất cả các phương thức trong các phương thức gửi thông báo họp sau đây: a. Thông báo đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;	Khoản 2, Điều 7. Nội dung thông báo mời họp Nội dung, mẫu thông báo mời họp do Người triệu tập cuộc họp quyết định, nhưng phải bao gồm những nội dung sau: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty; b. Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông; c. Loại cuộc họp (thường niên hay bất thường), lần triệu tập (triệu tập lần thứ nhất hay triệu tập lần thứ hai hay lần ba) d. Hình thức tổ chức cuộc họp; e. Nội dung cuộc họp; f. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp; g. Chữ ký của người triệu tập, con dấu công ty;	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 143 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	b. Gửi thông báo bằng thư điện tử/dữ liệu điện tử tới địa chỉ thư điện tử hoặc các địa chỉ liên lạc khác của cổ đông qua hệ thống công nghệ thông tin theo thông tin kê khai của cổ đông tại danh sách cổ đông; c. Gửi thông báo qua số điện thoại, fax theo thông tin kê khai của cổ đông tại danh sách cổ đông; d. Gửi thông báo bằng văn bản tới địa chỉ cư trú/trụ sở theo thông tin kê khai của cổ đông tại danh sách cổ đông.	h. Danh mục tài liệu gửi kèm hoặc chỉ dẫn nơi cung cấp tài liệu; k. Yêu cầu đối với các giấy tờ tùy thân mà cổ đông cần mang theo; l. Các lưu ý khác mà người triệu tập thấy cần thiết. Bổ sung Khoản 3, Điều 7. Gửi thông báo mời họp Người triệu tập gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ như quy định tại khoản 3 điều 17 Điều lệ Tổng công ty. “Địa chỉ liên lạc” được quy định tại khoản 3 điều 17 Điều lệ Tổng công ty được hiểu là địa chỉ thực tế hoặc email, fax mà cổ đông đã kê khai, đăng ký với Tổng công ty hoặc cơ quan/tổ chức thực hiện hoạt động giao dịch/lưu ký chứng khoán.	
7.	Điều 6. Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ (<i>Điều 8 trên bản dự thảo</i>) Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm xây dựng dự thảo Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ và chuẩn bị tài liệu theo nội dung chương trình họp.	Điều 8. Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm xây dựng dự thảo Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ và chuẩn bị tài liệu theo chương trình, nội dung cuộc họp.	Sửa đổi cho rõ nghĩa
8.	Điều 8. Trình tự và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu bầu cử và thông qua biên bản, nghị quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	Điều 10. Trình tự và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu bầu cử và thông qua biên bản, nghị quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp	Sửa đổi cho rõ nghĩa
8.	Điểm a, Khoản 1, Điều 8. Thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp (<i>Điều 10 trên bản dự thảo</i>) Các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp bao gồm: - Thông qua chương trình nghị sự của cuộc họp; - Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu; - Thông qua Biên bản và nghị quyết cuộc họp.	Điểm a, Khoản 1, Điều 10. Cách thức biểu quyết Thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp Các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp bao gồm: - Thông qua chương trình cuộc họp; - Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu; - Thông qua Biên bản cuộc họp.	Sửa đổi cho rõ nghĩa
9.	Điểm b, Khoản 1, Điều 8. Thông qua các quyết định theo thẩm quyền của ĐHĐCĐ (<i>Điều 10 trên bản dự thảo</i>) Tổng công ty áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ công tác kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng và thuận tiện cho các cổ đông. Mỗi cổ đông dự họp sẽ được cấp một (01) phiếu biểu quyết ghi rõ số	Điểm b, Khoản 1, Điều 10. Thông qua các quyết định theo thẩm quyền của ĐHĐCĐ Tổng công ty áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ công tác kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng và thuận tiện cho các cổ đông. Mỗi cổ đông dự họp sẽ được cấp một (01) tờ phiếu biểu quyết ghi rõ số phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và trên phiếu biểu quyết sẽ ghi	Sửa đổi cho rõ nghĩa

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và trên phiếu biểu quyết sẽ ghi riêng rẽ từng hạng mục nội dung báo cáo, trình ĐHĐCĐ thông qua. Cổ đông sẽ chọn phương án biểu quyết riêng cho từng hạng mục.	riêng rẽ từng vấn đề theo chương trình cuộc họp , trình ĐHĐCĐ thông qua. Cổ đông sẽ chọn phương án biểu quyết riêng cho từng vấn đề .	
10.	Khoản 2, Điều 8. Cách thức bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS (<i>Điều 10 trên bản dự thảo</i>) Tổng công ty áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ công tác kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng và thuận tiện cho các cổ đông. Mỗi cổ đông dự họp sẽ được cấp một (01) phiếu biểu quyết ghi rõ số phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và trên phiếu biểu quyết sẽ ghi riêng rẽ từng hạng mục nội dung báo cáo, trình ĐHĐCĐ thông qua. Cổ đông sẽ chọn phương án biểu quyết riêng cho từng hạng mục.	Khoản 2, Điều 10. Cách thức bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS Việc bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện bằng phương thức bầu dồn phiếu. Trong phiếu bầu cử HĐQT và phiếu bầu cử BKS có các thông tin về số phiếu bầu của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu, danh sách ứng cử viên hợp lệ, số thành viên được bầu tối đa và nội dung hướng dẫn tóm tắt cách thức bầu dồn phiếu. Cách thức bầu cử được nêu cụ thể và chi tiết trong tài liệu của ban tổ chức hướng dẫn bầu cử.	Sửa đổi cho rõ nghĩa
11.	Chưa quy định	Khoản 4, Điều 10. Các phiếu không hợp lệ: - Phiếu không do Tổng công ty phát hành, - Phiếu bị hư hỏng, biến dạng, tẩy xóa đến mức Ban kiểm phiếu không đủ cơ sở để xác định một thông tin nào đó trong phiếu là chính xác. - Phiếu không được cổ đông/hoặc người ủy quyền của cổ đông ký và ghi đầy đủ, chính xác họ tên; - Phiếu biểu quyết ghi chọn nhiều phương án cho cùng một vấn đề trong chương trình cuộc họp; phiếu bầu không thực hiện đúng hướng dẫn cách thức bầu dồn phiếu được ghi trong phiếu bầu và cách thức bầu cử ghi trong tài liệu của Ban tổ chức hướng dẫn bầu cử. - Phiếu được gửi về sau khi đã mở niêm phong thùng phiếu. (Quy định này không áp dụng với các phiếu điện tử trong trường hợp họp ĐHĐCĐ trực tuyến, kết hợp trực tiếp với trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng bỏ phiếu trực tuyến)	Bổ sung phù hợp quy định và triển khai hoạt động thực tế

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
12.	Khoản 4, Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu Ban kiểm phiếu hoàn tất công tác kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo với Chủ tọa về việc đã có kết quả kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp sẽ mời Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu được công bố công khai trước ĐHĐCĐ là căn cứ để Thư ký cuộc họp đưa vào dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết cuộc họp.	Khoản 5, Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu Ban kiểm phiếu hoàn tất công tác kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo với Chủ tọa về việc đã có kết quả kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp sẽ mời Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu được công bố công khai trước ĐHĐCĐ là căn cứ để Thư ký cuộc họp đưa vào dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết cuộc họp. Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua thực hiện theo quy định tại điều 20 Điều lệ Tổng công ty.	Bổ sung tham chiếu với Điều lệ Tổng công ty
13.	Khoản 5, Điều 8. Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết cuộc họp Thư ký cuộc họp trình bày tóm tắt dự thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết cuộc họp. Chủ tọa cuộc họp xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua Biên bản, Nghị quyết cuộc họp theo quy định tại khoản 8.1 Điều này.	Khoản 6, Điều 10. Thông qua Biên bản họp cuộc họp Thư ký cuộc họp trình bày tóm tắt dự thảo Biên bản cuộc họp để ĐHĐCĐ thông qua theo hình thức được quy định tại khoản 10.1 Điều này.	Sửa đổi cho rõ nghĩa
14.	Điều 10. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến ĐHĐCĐ giao cho HĐQT trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến trên cơ sở áp dụng các phương thức, giải pháp công nghệ thông tin phù hợp, an toàn, tin cậy và vẫn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, điều kiện quy định chung về cuộc họp ĐHĐCĐ, để áp dụng trong trường hợp cần thiết. <i>(quy chế hiện hành chưa tích hợp quy định chi tiết về nội dung này theo yêu cầu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC)</i>	Điều 12. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến, thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và bằng hình thức bỏ phiếu điện tử 12.1. Điều kiện tổ chức họp ĐHĐCĐ hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến và tiến hành thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử: a. Căn cứ tình hình thực tế, HĐQT/người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền quyết định tổ chức cuộc họp thường niên hoặc cuộc họp bất thường của ĐHĐCĐ bằng hình thức cuộc họp trực tiếp theo thủ tục quy định tại Điều lệ hoặc bằng hình thức ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc kết hợp 02 hình thức theo thủ tục quy định tại Điều này. Khi quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ theo Điều 21 Điều lệ, HĐQT sẽ quyết định áp dụng thủ tục quy định tại Điều 21 Điều lệ hoặc áp dụng thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng bỏ phiếu điện tử quy định tại Quy chế này.	Bổ sung quy định trình tự tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến, thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và bằng hình thức bỏ phiếu điện tử để phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		b. Việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến, và lấy ý kiến cổ đông bằng bỏ phiếu điện tử sẽ bao gồm các nội dung chính như quy định tại Quy chế này. Tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, HĐQT có thể ban hành thêm hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan để triển khai, tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến và lấy ý kiến cổ đông bằng bỏ phiếu điện tử phù hợp với tình hình thực tế và giải pháp công nghệ. 12.2. Nội dung thông báo mời họp và Gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ/thông báo lấy ý kiến cổ đông Nội dung thông báo mời họp thực hiện như quy định tại điều 7.2 Quy chế này. Cách thức thông báo mời họp ĐHĐCĐ trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến và thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử được thực hiện như cách thức thông báo mời họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. Các tài liệu gửi kèm thông báo mời họp thực hiện theo điều 17, khoản 3 Điều lệ của Tổng công ty và có thể thêm các nội dung khác mà người triệu tập thấy cần thiết phải đưa vào để phù hợp với thực tế. Chương trình họp ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được thông báo cho các cổ đông và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến. Đối với hình thức họp kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tiếp là nơi chủ tọa cuộc họp tham dự và chủ trì cuộc họp, Tổng công ty sẽ bố trí thêm các thiết bị kỹ thuật truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp cho các cổ đông khác tham dự trực tuyến bằng tài khoản truy cập đã được Tổng công ty (hoặc Nhà cung cấp dịch vụ được Tổng công ty chỉ định) cung cấp để tham dự cuộc họp, đảm bảo chất lượng, diễn biến cuộc họp được duy trì ổn định, liên tục, các cổ	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		đồng dự họp trực tiếp hay trực tuyến đều có thể thực hiện đầy đủ các quyền của mình trong quá trình diễn ra cuộc họp. 12.3. Đăng ký tham dự ĐHĐCĐ a. Đối với cổ đông dự họp trực tiếp: Cổ đông đăng ký dự họp theo Khoản 7.3 Điều 7 Quy chế này. b. Đối với cổ đông dự họp trực tuyến: Cổ đông truy cập vào đường dẫn do Tổng công ty công bố và thực hiện đăng nhập bằng Tài khoản truy cập để tham dự cuộc họp trực tuyến và biểu quyết theo tài liệu hướng dẫn của Tổng công ty được gửi cho cổ đông kèm theo Thư mời họp và/hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Việc Tài khoản truy cập được đăng nhập thành công trên Hệ thống trực tuyến có nghĩa là tư cách cổ đông đã được xác thực. Cổ đông được ghi nhận là tham dự cuộc họp trực tuyến khi và chỉ khi Tài khoản truy cập đã thực hiện đăng nhập thành công. 12.4. Kiểm tra tư cách cổ đông a. Đối với cổ đông dự họp trực tiếp: Cổ đông có quyền trực tiếp dự họp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền, quy định tại Khoản 7.3 Điều 7 Quy chế này. b. Đối với cổ đông dự họp trực tuyến: Đại diện Ban tổ chức căn cứ vào số lượng cổ đông thực hiện gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp, số lượng Tài khoản truy cập đăng nhập thành công vào Hệ thống trực tuyến tại thời điểm khai mạc cuộc họp để làm cơ sở xác định tổng số cổ đông tham dự họp cuộc họp trực tuyến và thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự tại thời điểm khai mạc để cuộc họp trực tuyến có thể tiến hành theo quy định. 12.5. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến và ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến Các cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 18 Điều lệ Tổng công ty và quy định tương ứng của pháp luật về doanh nghiệp. Tổng số cổ	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		đồng/người được ủy quyền dự họp là tổng số người tham dự theo cả 02 hình thức trực tiếp và trực tuyến. 12.6. Chương trình, nội dung làm việc của ĐHĐCĐ trực tuyến và ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến Chương trình và nội dung họp của ĐHĐCĐ trực tuyến và ĐHĐCĐ kết hợp trực tiếp và trực tuyến phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phần khai mạc. Cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị, đề xuất về chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4, 5, và 6 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty. 12.7. Phương thức biểu quyết bằng Bỏ phiếu điện tử Phương thức biểu quyết và bầu cử tương ứng với quy định tại Khoản 10.1 và 10.2 Điều 10 Quy chế này. 12.8. Thực hiện Bỏ phiếu điện tử đối với cổ đông dự họp trực tuyến a. Tổng công ty sẽ sử dụng phương tiện kỹ thuật/hệ thống phần mềm để cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào phương tiện kỹ thuật hoặc cách thức mà Tổng công ty sử dụng để phục vụ cho cuộc họp trực tuyến và sẽ được công bố tới các cổ đông trước mỗi lần tổ chức cuộc họp trực tuyến. b. Trường hợp cổ đông đăng nhập thành công để tham dự cuộc họp trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết đối với một, một số hoặc tất cả nội dung thì sẽ được ghi nhận là cổ đông không tham dự biểu quyết tại nội dung đó. c. Thời hạn biểu quyết cho từng nội dung cần lấy ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo trong cuộc họp. 12.9. Kết quả biểu quyết	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		a. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức biểu quyết hợp lệ khác. b. Kết quả kiểm phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi hệ thống phần mềm của Tổng công ty hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử cho Tổng công ty. c. Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp. d. Ban kiểm phiếu là người tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này. 12.10. Thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp Tỷ lệ biểu quyết để thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Tổng công ty. 12.11. Thông qua Biên bản họp và công bố Nghị quyết cuộc họp Thư ký cuộc họp trình bày tóm tắt dự thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết cuộc họp thông qua hệ thống trực tuyến. 12.12. Các nội dung khác chưa quy định tại điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.	
15.	Điều 11. Biên bản họp ĐHĐCĐ Cuộc họp ĐHĐCĐ theo các hình thức phải được ghi vào biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và tại Quy chế này. Thư ký cuộc họp sử dụng các phương tiện, hình thức phù hợp để ghi lại toàn bộ diễn biến cuộc họp, các ý kiến phát biểu, thảo luận và kết quả thông qua các nội dung quyết định của	Điều 13. Biên bản họp ĐHĐCĐ và Cách thức phản đối Nghị quyết Đại hội cổ đông 13.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ theo các hình thức phải được ghi vào biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và tại Quy chế này. Thư ký cuộc họp sử dụng các phương tiện, hình thức phù hợp để ghi lại toàn bộ diễn biến cuộc họp, các ý kiến phát biểu, thảo luận và kết quả thông qua các nội dung quyết định của ĐHĐCĐ.	Bổ sung chi tiết để hoàn thiện các tình huống thực tế phát sinh

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	ĐHĐCĐ. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Ngay sau khi bế mạc cuộc họp, Thư ký và Chủ tọa phải hoàn tất thể thức văn bản của biên bản và nghị quyết cuộc họp theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty để công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn quy định của pháp luật. Đối với trường hợp thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, việc lập Biên bản tổng hợp ý kiến ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty. Biên bản họp và biên bản tổng hợp ý kiến của ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ. Biên bản, danh sách của các cổ đông dự họp, danh sách cổ đông gửi ý kiến bằng văn bản phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.	13.2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung, biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 13.3. Ngay sau khi bế mạc cuộc họp, Thư ký và Chủ tọa phải hoàn tất thể thức văn bản của biên bản và nghị quyết cuộc họp theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty. Biên bản họp và biên bản tổng hợp ý kiến của ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 13.4. Đối với trường hợp thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và lấy ý kiến cổ đông bằng bỏ phiếu điện tử, việc lập Biên bản tổng hợp ý kiến ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty. 13.5. Biên bản, danh sách của các cổ đông dự họp, danh sách cổ đông gửi ý kiến bằng văn bản, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty. 13.6. Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành. 13.7. Cách thức phản đối Nghị quyết ĐHĐCĐ a. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố, cổ đông có quyền gửi ý kiến phản đối đến Tổng công	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		ty về việc vi phạm trình tự thủ tục cuộc họp, vi phạm của nội dung Nghị quyết hoặc Nghị quyết được công khai không đúng với Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. b. Trong thời hạn không quá 10 ngày Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT và mời đại diện BKS tham gia để thảo luận về các phản đối của của cổ đông. Nếu số lượng cổ đông phản đối không nhiều, tùy tình hình Chủ tịch HĐQT có thể mời cổ đông/nhóm cổ đông đó đến tham dự để đối thoại nếu thấy cần thiết. c. Nếu xét thấy trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp và ra Nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của luật, Điều lệ Tổng công ty và có thể bị hủy bỏ bởi Tòa án hoặc Trọng tài hoặc nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm quy định của pháp luật, điều lệ Tổng công ty thì HĐQT tạm dừng thi hành Nghị quyết ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này tùy vào tình hình thực tế, HĐQT xem xét triệu tập lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong thời gian thích hợp. d. Nếu xét thấy Nghị quyết được công bố có nội dung không đúng với Nghị quyết đã được thông qua tại cuộc họp như phản ánh của cổ đông, HĐQT thu hồi nội dung Nghị quyết đã công bố và ban hành Nghị quyết mới đúng với nội dung đã thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. e. Trường hợp HĐQT không chấp nhận phản đối của cổ đông, cổ đông có quyền kiến nghị đến cơ quan chức năng hoặc khiếu kiện đến tòa án theo quy định. f. Dù chấp nhận hay không chấp nhận phản đối của cổ đông, HĐQT phải phản hồi cổ đông trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày HĐQT tổ chức họp xem xét các ý kiến phản đối của cổ đông. g. Đối với các cổ đông đã bỏ phiếu không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình trong	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		thời hạn và cách thức như quy định tại điều 132 Luật doanh nghiệp.	
16.	Chương III. Hội đồng quản trị	Chương IV. Thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị	Sửa đổi tên chương do trong cấu trúc HĐQT có các thành phần Chủ tịch, thành viên không điều hành, thành viên độc lập và các tiêu chuẩn, trách nhiệm và nghĩa vụ
17.	Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT HĐQT có vai trò, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty. Thành viên HĐQT có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp và tuân thủ trách nhiệm người quản lý Tổng công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp.	Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT 14.1. Vai trò của HĐQT Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT giữ vai giám sát hoạt động của Tổng công ty để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và tối đa hóa giá trị của Tổng công ty. 14.2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT HĐQT có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty. 14.3. Trách nhiệm của thành viên HĐQT Trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định tại Điều 41 và Điều 42 tại Điều lệ của Tổng công ty.	Bổ sung quy định chung về nguyên tắc hoạt động của HĐQT căn cứ theo Nguyên tắc 1.1 của VNCG Code. Việc bổ sung nguyên tắc chung này là thông lệ tốt của một số DN niêm yết tại VN để làm cơ sở xác định rõ vai trò của HĐQT.
18.	Khoản 1, Điều 13. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT (<i>Điều 15 trên bản dự thảo</i>) Số lượng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty là từ năm (05) đến bảy (07) thành viên, với nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT không quá 5 năm.	Khoản 1, Điều 15. Cơ cấu, nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT Số lượng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty là từ năm (05) đến bảy (07) thành viên, với nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT không quá 5 năm. Cơ cấu của HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt	Sửa tên điều. Bổ sung quy định phù hợp với thông lệ tốt trong thực hành quản trị công ty VN CG Code nguyên tắc 2.1

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		động kinh doanh và các lĩnh vực quan trọng khác, cần thiết cho sự hoạt động của Tổng công ty. Đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.	
19.	Khoản 2, Điều 13. Cơ cấu và điều kiện thành viên HĐQT, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT a. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử thành viên HĐQT Người ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây: - Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công. Người được đề cử phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần của Tổng công ty đề cử. - Người ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ theo quy định. b. Số lượng ứng cử viên HĐQT Số lượng ứng cử viên để bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số thành viên HĐQT dự kiến bầu.	Khoản 2, 3, 4, Điều 15. 15.2. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT Thành viên HĐQT phải đáp ứng điều kiện và tiêu chuẩn theo theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra các thành viên HĐQT, bao gồm cả thành viên HĐQT độc lập còn cần thỏa mãn các điều kiện và tiêu chuẩn sau: a. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Tổng công ty cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty. b. Đề đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Tổng công ty, thành viên HĐQT hạn chế kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Tổng công ty. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc. c. Thành viên HĐQT của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT trên năm (05) công ty khác. d. Có năng lực lãnh đạo, liêm chính, đạo đức, có trách nhiệm và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý và nhân viên trong Tổng công ty; e. Có khả năng cân bằng lợi ích của các bên có lợi ích liên quan và đưa ra quyết định hợp lý; f. Có kinh nghiệm chuyên môn, trình độ học vấn cần thiết; g. Có kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, am hiểu về thị trường, và đối thủ cạnh tranh; h. Có khả năng đưa ra các giải pháp thực tế, các quyết định chuẩn xác dựa trên kiến thức và kinh nghiệm để có lợi cho Tổng công ty và hoạt động của Tổng công ty;	Bổ sung các khoản mới quy định tiêu chuẩn của thành viên HĐQT, Thành viên HĐQT không điều hành & Thành viên HĐQT độc lập căn cứ theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Nguyên tắc 2.1, 3.2 của VNCG Code

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		i. Có khả năng giao tiếp và trình bày tốt, đưa ra ý kiến tư vấn cũng như có khả năng đưa ra thách thức, tìm tòi những yếu tố mới cho sự phát triển của Tổng công ty. 15.3. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT Thành viên HĐQT là thành viên độc lập HĐQT khi đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được nêu tại Điểm 2, Điều 155 của Luật Doanh nghiệp và đáp ứng thêm các yêu cầu bắt buộc sau: a. Không phải là người có liên quan đến Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm; b. Không phải là thành viên HĐQT, tổng giám đốc/giám đốc, phó tổng giám đốc/phó giám đốc điều hành của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát; c. Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Tổng công ty trong hai (02) năm gần nhất; d. Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Tổng công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu của một (01) năm gần nhất hoặc ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Tổng công ty trong hai (02) năm gần nhất; e. Không phải là người từng làm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó; trừ trường hợp bổ nhiệm liên tục 2 nhiệm kỳ. f. Không có mối liên hệ, liên kết với một tổ chức phi lợi nhuận nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ Tổng công ty hoặc từ người có liên quan. 15.4. Cơ cấu và điều kiện thành viên HĐQT, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT a. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử thành viên HĐQT Người ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo Khoản 15.2, 15.3, nêu trên và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty có thể tự ứng cử hoặc đề cử ứng viên tham gia HĐQT. - Người ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ theo quy định. b. Số lượng ứng cử viên HĐQT Số lượng ứng cử viên đề bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử được thực hiện theo Khoản 3 Điều 11 Điều lệ của Tổng công ty.	
20.	Điểm a, Khoản 3, Điều 13. Cách thức và hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào HĐQT Tổng công ty thông báo nội dung bầu cử HĐQT dự kiến tiến hành trong cuộc họp ĐHĐQT, về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và kèm theo các biểu mẫu hồ sơ cần thiết để các cổ đông xem xét thực hiện việc ứng cử, đề cử ứng viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện việc ứng cử, đề cử theo cách thức và hồ sơ như sau: a. Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT bao gồm: - Đơn ứng cử tham gia HĐQT có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu vào HĐQT; - Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai; - Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử); - Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của ứng cử viên.	Điểm a, Khoản 5, Điều 15. Tổng công ty thông báo nội dung bầu cử HĐQT dự kiến tiến hành trong cuộc họp ĐHĐCĐ, về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và kèm theo các biểu mẫu hồ sơ cần thiết để các cổ đông xem xét thực hiện việc ứng cử, đề cử ứng viên. Cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện việc ứng cử, đề cử theo cách thức và hồ sơ như sau: a. Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT bao gồm: - Đơn ứng cử tham gia HĐQT có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu vào HĐQT; - Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai; - Biên bản họp nhóm và Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử); - Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của ứng cử viên. - Các tài liệu khác mà ứng viên thấy cần thiết để chứng minh năng lực của mình.	Bổ sung để rõ điều khoản tham chiếu và phù hợp với thực hành trên thực tế
21.	Khoản 5, Điều 13. Trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu - Ban Tổ chức chuẩn bị thùng phiếu bầu thành viên HĐQT. Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của ĐHĐCĐ. Việc bỏ phiếu	Điểm a, Khoản 7, Điều 15. Trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu Ban Tổ chức chuẩn bị thùng phiếu bầu thành viên HĐQT. Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của ĐHĐCĐ. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát	Bổ sung quy định làm rõ

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.	phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu nhưng phải trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong hòm phiếu.	
22.	Khoản 6, Điều 13. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT - Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau mà phải chọn số người trúng cử ít hơn thì việc chọn ứng cử viên trúng cử theo nguyên tắc sau: Ứng cử viên nào được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần cao hơn sẽ là ứng cử viên trúng cử.	Điểm b, Khoản 8, Điều 15. Nguyên tắc xác định ứng viên trúng cử thành viên HĐQT Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì ứng cử viên do nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần lớn hơn được lựa chọn trúng cử. Nếu các ứng viên đó cũng được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong các ứng viên này.	Sửa đổi quy định làm rõ
23.	Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt tư cách thành viên HĐQT Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và chấm dứt tư cách thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.	Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt tư cách thành viên HĐQT Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và chấm dứt tư cách thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 7, 8, 9 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.	Sửa đổi tương ứng với dự thảo mới của Điều lệ Tổng công ty
24.	Điều 16. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT Thành viên HĐQT được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, thù lao, phụ cấp và lợi ích khác theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.	Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT Thành viên HĐQT được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, thù lao, phụ cấp và lợi ích khác theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	Bổ sung quy định mua bảo hiểm trách nhiệm cho thành viên HĐQT, phù hợp với thực hành quản trị thực tế.
25.	Khoản 3, Điều 17. HĐQT phải được triệu tập họp bất thường khi Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết và/hoặc khi nhận được các đề nghị bằng văn bản của một trong các trường hợp sau: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	Khoản 3, Điều 19. HĐQT phải được triệu tập họp bất thường khi Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết và/hoặc khi nhận được các đề nghị bằng văn bản của một trong các trường hợp sau: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	Bổ sung quy định linh hoạt trong việc gửi thông báo mời họp trong trường hợp tổ chức họp HĐQT bất thường

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.	b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị. Với cuộc họp bất thường, thông báo mời họp và chương trình họp được người triệu tập cuộc họp HĐQT thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp trong một khoảng thời gian hợp lý trước khi tổ chức họp.	
26.	Khoản 4, Điều 17. Cuộc họp bất thường của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp quy định tại Khoản 17.3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên khác của HĐQT lựa chọn sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp và chương trình họp phải được thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp.	Khoản 4, Điều 19. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 19.3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đi vắng thì phải ủy quyền cho thành viên khác thay mặt triệu tập cuộc họp, nếu không ủy quyền các thành viên khác có quyền chủ động cử một thành viên đại diện để triệu tập cuộc họp. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty.	Chuyển 1 phần nội dung lên Khoản 3 Điều 19
27.	Điều 18. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT 18.1. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ nhất chỉ có thể được coi là hợp lệ để tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ 3/4 số thành viên HĐQT dự họp hoặc thông qua người được ủy quyền 18.2. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.	Điều 20. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT 20.1. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ nhất chỉ có thể được coi là hợp lệ để tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ 3/4 tổng số thành viên HĐQT/người được ủy quyền dự họp. 20.2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.	Sửa đổi cho tránh trùng lặp và rõ nghĩa

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
28.	Khoản 1, Điều 20. Chuẩn bị cuộc họp - Trừ khi có quy định/yêu cầu khác của HĐQT, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị trước các nội dung để trình bày tại cuộc họp của HĐQT. - Các thành viên HĐQT theo sự phân công thường xuyên của HĐQT và theo phân công cụ thể của Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu cuộc họp, làm việc với các bộ phận liên quan của Tổng công ty, chuẩn bị ý kiến bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp. - Thư ký Tổng công ty và bộ phận giúp việc HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức họp, tập hợp và gửi tài liệu. - Trường hợp không thể tham gia cuộc họp, thành viên HĐQT và người được mời họp cần thông báo cho HĐQT và nêu rõ lý do vắng mặt, đồng thời gửi HĐQT ý kiến tham gia bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.	Khoản 1, Điều 22. Chuẩn bị cuộc họp a. Trừ khi có quy định/yêu cầu khác của HĐQT, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị trước các nội dung để trình bày về các vấn đề Tổng giám đốc trình HĐQT tại cuộc họp của HĐQT. b. Thư ký Tổng công ty và bộ phận giúp việc HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức họp, tập hợp tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp và gửi tài liệu tập hợp được cho các thành viên HĐQT. c. Các thành viên HĐQT theo sự phân công thường xuyên của HĐQT và theo phân công cụ thể của Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu cuộc họp, làm việc với các bộ phận liên quan của Tổng công ty, chuẩn bị ý kiến về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp. d. Trường hợp không thể tham gia cuộc họp, thành viên HĐQT và người được mời họp cần thông báo cho HĐQT và nêu rõ lý do vắng mặt, đồng thời gửi HĐQT ý kiến tham gia bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.	Sửa đổi cho rõ nghĩa
29.	Khoản 3, Điều 20. Gửi ý kiến biểu quyết và ủy quyền tham dự cuộc họp Thành viên HĐQT vắng mặt có quyền biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi ý kiến bằng văn bản. Văn bản ý kiến phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và được công khai tới tất cả những thành viên HĐQT dự họp. Trường hợp thành viên HĐQT vắng mặt tại cuộc họp, không gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản mà ủy quyền cho người khác dự họp thì phải có văn bản ủy quyền nêu rõ nội dung ủy quyền cho người được ủy quyền tham dự	Khoản 3, Điều 22. Gửi ý kiến biểu quyết và ủy quyền tham dự cuộc họp Thành viên HĐQT vắng mặt có quyền biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi ý kiến bằng văn bản. Văn bản ý kiến phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và được công khai tới tất cả những thành viên HĐQT dự họp. Trường hợp thành viên HĐQT vắng mặt tại cuộc họp, không gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản mà ủy quyền cho người khác dự họp thì việc ủy quyền dự họp và biểu quyết cần lập thành văn bản, nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. Người nhận ủy quyền phải có mặt trước khi Chủ tọa tuyên bố khai mạc cuộc họp và xuất trình giấy ủy quyền cho HĐQT,	Sửa đổi để bảo đảm tính chặt chẽ theo quy định pháp luật và thực hành thực tế

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	và biểu quyết và cam kết thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về ý kiến biểu quyết của người được ủy quyền.	các thành viên HĐQT sẽ xem xét và biểu quyết chấp thuận ngay tại phần khai mạc cuộc họp. Nếu đa số thành viên HĐQT dự họp chấp thuận, người nhận ủy quyền được quyền tham dự cuộc họp với tư cách đại diện cho thành viên HĐQT; nếu không được quá bán thành viên HĐQT dự họp chấp thuận người nhận ủy quyền sẽ rời cuộc họp ngay lập tức trừ khi người nhận ủy quyền cũng là thành viên HĐQT hoặc người khác được mời tham dự cuộc họp. Trường hợp số thành viên chấp thuận và không chấp thuận bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT nếu Chủ tịch HĐQT có tham dự cuộc họp đó. Trường hợp Người nhận ủy quyền cũng là thành viên HĐQT thì khi biểu quyết về việc chấp thuận việc ủy quyền, thành viên HĐQT đó không được quyền biểu quyết.	
30.	Khoản 2, Điều 21. Biểu quyết: Chủ tịch HĐQT điều hành lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết, công khai bằng cách giơ tay và kết luận nội dung được HĐQT thông qua căn cứ theo kết quả biểu quyết đa số tán thành trên tổng số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết, thành viên HĐQT gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản và thông qua người được ủy quyền họp lệ.	Khoản 2, Điều 23. HĐQT biểu quyết tại cuộc họp bằng hình thức giơ tay tán thành, giơ tay không tán thành, giơ tay phát biểu ý kiến khác theo điều khiển của Chủ tọa. Chủ tọa phải nêu đầy đủ 03 phương án biểu quyết để các thành viên HĐQT giơ tay thể hiện sự lựa chọn cho từng phương án, mỗi thành viên HĐQT chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết. Đối với những thành viên chọn phương án biểu quyết ý kiến khác thì phải nêu cụ thể ý kiến để thư ký ghi vào Biên bản cuộc họp.	Sửa đổi đảm bảo quy định đầy đủ các tình huống phát sinh trên thực tế.
31.	Khoản 5, Điều 21. 21.5. Những vấn đề đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT sẽ được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị...) để chuyển đến các cá nhân, đơn vị có liên quan để thi hành. Căn cứ vào nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản này.	Khoản 5, Điều 23. Những vấn đề đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT sẽ được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, v.v.) Căn cứ vào nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản này. Các văn bản của HĐQT sau khi được Chủ tịch HĐQT ký ban hành chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo phải chuyển đến Tổng giám đốc, các cá nhân, đơn vị có liên quan để thi hành; gửi cho tất cả các thành viên HĐQT và thành viên BKS để theo dõi, giám	Sửa đổi phù hợp với thực hành quản trị trên thực tế của Tổng Công ty

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		sát; gửi cho Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin để thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông và công chúng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	
32.	Khoản 5, Điều 21. 21.5. Những vấn đề đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT sẽ được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị...) để chuyển đến các cá nhân, đơn vị có liên quan để thi hành. Căn cứ vào nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản này.	Khoản 5, Điều 23. 23.5. Những vấn đề đã được HĐQT thảo luận và thông qua sẽ được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, v.v.) Căn cứ vào nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản này. Các văn bản của HĐQT sau khi được Chủ tịch HĐQT ký ban hành chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo phải chuyển đến Tổng giám đốc, các cá nhân, đơn vị có liên quan để thi hành; gửi cho tất cả các thành viên HĐQT và thành viên BKS để theo dõi, giám sát; gửi cho Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin để thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông và công chúng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Sửa đổi phù hợp với thực hành quản trị trên thực tế của Tổng Công ty
33.	Điều 22 Khoản 1 Trong trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, các nghị quyết của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số (trên 50%) trên tổng số thành viên HĐQT. Nếu số phiếu tán thành và số phiếu còn lại ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chủ tịch HĐQT và Thư ký Tổng công ty tổng hợp kết quả kiểm phiếu ý kiến và ghi vào biên bản tổng hợp ý kiến thông qua nghị quyết của HĐQT.	Điều 24 – Khoản 1 Trong trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản (bao gồm các hình thức bỏ phiếu lấy ý kiến, lấy ý kiến qua thư điện tử hoặc các hình thức công nghệ phù hợp khác), các nghị quyết của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số (trên 50%) trên tổng số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nếu số phiếu tán thành và số phiếu còn lại ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chủ tịch HĐQT và Thư ký Tổng công ty tổng hợp kết quả kiểm phiếu ý kiến và ghi vào biên bản tổng hợp ý kiến thông qua nghị quyết của HĐQT.	Bổ sung làm rõ nghĩa & phù hợp với quy định của luật

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
34.	Điều 23.2 Các tài liệu liên quan đến cuộc họp gồm: Biên bản cuộc họp, Nghị quyết, các Quyết định và các tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại Văn phòng HĐQT theo chế độ bảo mật của Tổng công ty.	Điều 25.2 Các tài liệu liên quan đến cuộc họp gồm: Biên bản cuộc họp, Nghị quyết, các Quyết định và các tài liệu liên quan khác được lưu giữ theo chế độ bảo mật của Tổng công ty.	Điều chỉnh cho phù hợp với thực hành thực tế
35.		Điều 26. Chế độ làm việc của HĐQT HĐQT sử dụng chức năng bộ máy và con dấu của Tổng công ty để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ như trong quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. Để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm cũng như để có ý kiến thảo luận, biểu quyết tại HĐQT, thành viên HĐQT có quyền trao đổi trực tiếp với Tổng giám đốc, cán bộ điều hành và cán bộ các cấp quản lý của Tổng công ty để được cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết. Trường hợp trao đổi với cán bộ điều hành và cán bộ quản lý khác thuộc quyền quản lý của Tổng giám đốc, thì thành viên HĐQT nên thông báo trước với Tổng giám đốc. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu các cán bộ đó cung cấp thông tin, tài liệu và trình bày, làm rõ những nội dung chuyên môn có liên quan mà thành viên HĐQT cần làm rõ, nhưng không gây khó khăn, cản trở đến việc thực thi công việc của người đó trong phạm vi điều hành của Tổng giám đốc.	Bổ sung mới làm cơ sở cho các thành viên HĐQT thực hiện việc trao đổi cung cấp thông tin với TGD và các cán bộ cấp quản lý.
36.		Điều 27. Các tiểu ban trợ giúp hoạt động của HĐQT 27.1. HĐQT có thể quyết định thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm tiểu ban Chính sách phát triển, tiểu ban Nhân sự Lương thưởng, Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro và các tiểu ban khác mà HĐQT thấy cần thiết.	Bổ sung Điều mới quy định về việc thành lập tiểu ban trợ giúp hoạt động của HĐQT để phù hợp với xu hướng hoạt động của HĐQT, căn cứ theo quy định của Luật

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		27.2. HĐQT quyết định phê duyệt quyền hạn, nghĩa vụ, quy chế hoạt động của các tiểu ban. 27.3. Số lượng, cơ cấu thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định nhưng có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên khác, trong đó khuyến khích phương án thành viên HĐQT độc lập hoặc thành viên HĐQT không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban. Khuyến khích bổ nhiệm thành viên HĐQT độc lập hoặc thành viên HĐQT không điều hành giữ vị trí Trưởng các tiểu ban. 27.4. Nhiệm kỳ của các thành viên trong tiểu ban được quy định như sau: a. Đối với thành viên tiểu ban đồng thời là thành viên HĐQT thì nhiệm kỳ của thành viên đó tại tiểu ban tương ứng với nhiệm kỳ tại HĐQT, bất kể khi nào thành viên đó không còn là thành viên HĐQT thì đương nhiên không còn là thành viên tiểu ban. b. Đối với thành viên tiểu ban không phải là thành viên HĐQT thì nhiệm kỳ của thành viên đó là 05 năm. Cách xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc nhiệm kỳ của thành viên đó tương tự như cách xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc nhiệm kỳ của thành viên HĐQT. 27.5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.	Doanh nghiệp và thông lệ tốt trong thực hành quản trị

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		27.6. Tiêu chuẩn của các tiểu ban trợ giúp HĐQT a. Trưởng các tiểu ban trợ giúp HĐQT là thành viên HĐQT. Trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ phải là thành viên độc lập HĐQT. b. Trưởng tiểu ban phải báo cáo lên Chủ tịch HĐQT về những công việc của tiểu ban. c. Trưởng tiểu ban cần thực hiện: - Thông báo cho HĐQT biết những vấn đề quan trọng liên quan đến tiểu ban ít nhất ba (03) tháng một lần. - Báo cáo HĐQT những dữ liệu theo yêu cầu của HĐQT. - Thực hiện những biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ của tiểu ban. d. Các thành viên trong các tiểu ban phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản trong quy định pháp luật, lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty và lĩnh vực nghiệp vụ có liên quan đến từng tiểu ban được phụ trách. 27.7. Đề cử thành viên các tiểu ban Chủ tịch HĐQT sẽ dựa vào hồ sơ năng lực của các thành viên HĐQT và hồ sơ các nhân sự ngoài HĐQT để lập danh sách đề cử tham gia các tiểu ban và bổ nhiệm Trưởng tiểu ban. Các thành viên HĐQT khác có thể tự ứng cử làm thành viên các tiểu ban nếu xét thấy đáp ứng đủ tiêu chuẩn.	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		HĐQT sẽ biểu quyết bầu trưởng tiểu ban và các thành viên còn lại của các tiểu ban dựa vào danh sách ứng viên được lập như cách thức nêu trên. 27.8. Vai trò, nhiệm vụ của tiểu ban trợ giúp HĐQT Tiểu ban trợ giúp HĐQT có vai trò nhiệm vụ cụ thể, trong đó nhiệm vụ của từng thành viên trong tiểu ban sẽ do trưởng tiểu ban đó phân công căn cứ quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của tiểu ban.	
37.	Điều 26.3 a. Hồ sơ đề cử/ứng cử BKS bao gồm: - Đơn ứng cử tham gia BKS có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên BKS một cách trung thực nếu được bầu vào BKS; - Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai; - Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử); - Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của ứng cử viên.	Điều 30.3 điểm a a. Hồ sơ đề cử/ứng cử BKS bao gồm: - Đơn ứng cử tham gia BKS có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên BKS một cách trung thực nếu được bầu vào BKS; - Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai; - Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử); - Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của ứng cử viên. - Các tài liệu khác mà ứng viên thấy cần thiết để chứng minh kinh nghiệm, năng lực bản thân.	Bổ sung quy định tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm để phù hợp với thực hành thực t
38.	Chương V Tổng giám đốc	Chương V: Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác	Quy định rõ hơn quy định rõ hơn quyền & trách nhiệm của Ban Điều hành bao gồm TGD

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
			và các cán bộ điều hành khác
39.		Điều 33. Vai trò của Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác Tổng giám đốc đóng vai trò là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành toàn diện hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo công ty hoạt động theo đúng kế hoạch, chiến lược, định hướng được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ trong việc điều hành Tổng công ty nhằm đảm bảo Tổng công ty hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động hiệu quả, vì lợi ích của Tổng công ty và các cổ đông, theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt.	Bổ sung điều khoản để làm rõ vai trò của Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác chưa được quy định tại Quy chế cũ
40.	Điều 29: Vai trò, trách nhiệm, quyền & nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Điều lệ Tổng công ty.	Điều 34. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Điều lệ Tổng công ty. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác có tính hiệu lực cao nhất đối với mọi nhân viên trong Tổng công ty, trừ các quyết định, chỉ đạo thuộc phạm vi trách nhiệm của các thành viên HĐQT và các tiểu ban trợ giúp hoạt động cho HĐQT. Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác chịu trách nhiệm trong việc thiết lập và thực hiện các hoạt động kiểm soát nội bộ để đảm bảo Tổng công ty hoạt động hiệu quả và đạt được mục tiêu đề ra một cách hợp lý.	Bổ sung thêm làm rõ quyền và trách nhiệm của Tổng giám đốc

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
41.		Điều 35. Giao việc cho nhân viên của Tổng công ty Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác là người trực tiếp quản lý và giao việc cho nhân viên Tổng công ty. Việc thực hiện công việc theo phân công và cơ chế báo cáo của nhân viên Tổng công ty với Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác được thực hiện theo quy chế cụ thể do Tổng giám đốc ban hành.	Bổ sung mới để làm rõ quy định giao việc cho nhân viên thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành khác mà không thuộc các bên khác khi tham gia vào hoạt động quản trị.
42.		Điều 36. Trách nhiệm báo cáo của Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác 36.1. Hàng tháng, quý, năm, Tổng giám đốc gửi báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của Tổng công ty, báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cho HĐQT được quy định trong các quy chế quản lý nội bộ liên quan. 36.2. Trong một số trường hợp cần thiết phải xử lý các vấn đề quan trọng và cấp bách, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác cần thực hiện gấp gờ trao đổi thường xuyên, kịp thời với HĐQT liên quan đến vấn đề quản lý, điều hành để chia sẻ thông tin, tham vấn ý kiến với HĐQT nhằm đảm bảo có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch nhân sự; tuân thủ theo quy định pháp luật; phát huy tối đa hiệu quả hoạt động và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của Tổng công ty. Việc báo cáo đối với trường hợp này có thể thực hiện bằng văn bản hoặc hình thức khác. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định về quan hệ phối hợp hoạt động tại điều 43 Quy chế này.	Bổ sung mới quy định trách nhiệm báo cáo của TGD và cán bộ điều hành khác phù hợp với thực hành thực tiễn tại Tổng Công ty

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
43.	Điều 30. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc Tổng giám đốc có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Người được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 30.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam; 30.2. Là cổ đông sở hữu hoặc đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ của Tổng công ty hoặc người khác có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty; 30.3. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc tham gia chức vụ điều hành ở một doanh nghiệp khác. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.	Điều 37. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác 37.1. Tiêu chuẩn chung đối với Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác Tiêu chuẩn chung đối với Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác khác tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 162 của Luật doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a. Luôn thể hiện tính cam kết, trung thực, có uy tín, thể hiện hành vi ứng xử theo đạo đức kinh doanh và văn hóa Tổng công ty; b. Có trình độ đại học trở lên; c. Có trình độ, bằng cấp chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; d. Có kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, kiến thức tốt về chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp và hiểu biết về xu hướng thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh; e. Có kỹ năng tổ chức quản lý phù hợp, đưa ra các quyết định hợp lý trên cơ sở cân bằng lợi ích của các bên liên quan; f. Có kỹ năng và năng lực dẫn dắt tổ chức hướng tới mục tiêu, chiến lược được phê duyệt của Tổng công ty; hiểu rõ năng lực của nhân viên và kết nối nguồn lực trong Tổng công ty, biết cách tạo ảnh hưởng và có khả năng dẫn dắt tổ chức theo những định hướng mới. 37.2. Tiêu chuẩn đối với Tổng giám đốc Tổng giám đốc có nhiệm kỳ năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Người được bổ	Sửa tên điều 37 để đề cập đầy đủ các đối tượng thuộc cấp Ban điều hành Bổ sung mới điều khoản quy định tiêu chuẩn chung đối với Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành khác để đảm bảo tính đầy đủ nội dung liên quan đến cán bộ điều hành khác.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		nhiệm làm Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam; b. Là cổ đông sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền cho cổ đông tổ chức sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của Tổng công ty hoặc người khác có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty; c. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc tham gia chức vụ điều hành ở một doanh nghiệp khác; Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.	
44.	Điều 31. Bổ nhiệm Tổng giám đốc Người được đề nghị hoặc giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Tổng giám đốc phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Tổng giám đốc theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định thông thường của HĐQT. Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Tổng giám đốc, bao gồm pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, các quy định, quy	Điều 38. Bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác 38.1 Bổ nhiệm Tổng giám đốc Các thành viên HĐQT hoặc tiểu ban nhân sự (nếu có) có quyền giới thiệu các ứng viên trở thành Tổng giám đốc của Tổng công ty trong số các thành viên HĐQT hoặc người khác. Các cá nhân đang làm việc tại Tổng công ty giữ các chức danh điều hành, quản lý nếu xét thấy đủ tiêu chuẩn và điều kiện cũng có thể tự ứng cử vào vị trí Tổng giám đốc.	Bổ sung quy định việc giới thiệu các ứng viên trở thành TGD của HĐQT và tiểu ban nhân sự (nếu có) như theo quy định tại điều 162 của Luật Doanh nghiệp và thông lệ thực hành quản trị.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	chế khác của Tổng công ty. Trong trường hợp cần thiết HĐQT có thể lập hợp đồng lao động và/hoặc hợp đồng trách nhiệm với Tổng giám đốc đề quy định cụ thể.	Người ứng cử, được giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Tổng giám đốc phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Tổng giám đốc theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định thông thường của HĐQT. Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Tổng giám đốc, bao gồm pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, các quy định, quy chế khác của Tổng công ty. Trong trường hợp cần thiết HĐQT có thể lập hợp đồng trách nhiệm với Tổng giám đốc để quy định cụ thể hoặc quy định trong hợp đồng lao động nếu phù hợp với pháp luật lao động. Chủ tịch HĐQT đại diện HĐQT ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. 38.2 Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác. a. HĐQT bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty thông qua việc biểu quyết tại cuộc họp. b. Đối với các chức danh điều hành khác không phải là Người điều hành/Cán bộ điều hành Tổng công ty quy định tại điểm a khoản này và khoản 38.1 điều này, việc bổ nhiệm thực hiện theo quy chế cán bộ của Tổng công ty	Sửa đổi câu chữ một số nội dung liên quan đến ký kết hợp đồng lao động/trách nhiệm với TGD, chủ thể tham gia ký kết để phản ánh thực hành thực tế và theo quy định của pháp luật. Bổ sung quy định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành khác nhằm hoàn thiện quy định bổ nhiệm đối với các chức danh quản lý của Tổng công ty theo quy định của Điều lệ của Tổng công ty và thực hành theo Quy chế quản lý cán bộ áp dụng tại Tổng công ty.
45.	Điều 32. Miễn nhiệm Tổng giám đốc 32.1. HĐQT miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau: a. Tổng giám đốc ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 30 Quy chế này;	Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác 39.1 HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:	Sửa đổi tên điều để đảm bảo đề cập đầy đủ các cán bộ quản lý trong Ban điều hành.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	b. Tổng giám đốc có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Tổng giám đốc, hoặc Tổng giám đốc không đảm bảo sức khỏe để đảm nhận chức vụ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục; c. Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Tổng công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Tổng công ty; d. Năng lực điều hành kém khiến Tổng công ty kinh doanh thua lỗ hai (02) năm liên tiếp mà không phải do nguyên nhân khách quan; e. Tổng giám đốc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; f. Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Tổng giám đốc không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ. 32.2. Việc miễn nhiệm Tổng giám đốc phải được HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. 32.3. HĐQT có thể yêu cầu Tổng giám đốc được miễn nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Tổng công ty (nếu có).	a. Khi xét thấy Tổng giám đốc ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 37 Quy chế này; b. Tổng giám đốc có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Tổng giám đốc, hoặc Tổng giám đốc không đảm bảo sức khỏe để đảm nhận chức vụ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục; c. Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Tổng công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Tổng công ty; d. Năng lực điều hành kém khiến Tổng công ty kinh doanh thua lỗ hai (02) năm liên tiếp mà không phải do nguyên nhân khách quan; e. Tổng giám đốc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; f. Các trường hợp mà Tổng giám đốc với tư cách người lao động vi phạm đến mức sa thải, cách chức, bị chấm dứt hợp đồng lao động. g. Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Tổng giám đốc không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ. 39.2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải được HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Hợp đồng lao động ký với Tổng giám đốc sẽ đương nhiên chấm dứt khi Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, trừ khi các bên đạt được thỏa thuận Tổng giám đốc tiếp tục làm việc tại Tổng công ty ở vị trí quản lý, điều hành khác mà vị trí đó cũng do HĐQT quyết định bổ nhiệm, ký hợp đồng thì 02 bên sẽ điều chỉnh lại nội dung hợp đồng lao động đã ký.	Bổ sung trường hợp miễn nhiệm Tổng Giám đốc với tư cách là người lao động bị miễn nhiệm đến mức sa thải nhằm đảm bảo đầy đủ hơn các tình huống có thể phát sinh thực tế. Bổ sung quy định liên quan đến xử lý Hợp đồng lao động với TGD trong trường hợp miễn nhiệm. Bổ sung quy định miễn nhiệm các cán bộ điều hành khác của HĐQT theo tình hình thực tế của Tổng công ty.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		39.3. HĐQT có thể yêu cầu Tổng giám đốc được miễn nhiệm, bãi nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Tổng công ty (nếu có). 39.4. HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm với các cán bộ điều hành khác trong các trường hợp sau: a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Tổng công ty; b. Hết hợp đồng lao động hoặc nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng; c. Sức khỏe không đảm bảo thực hiện công việc. d. Khi HĐQT hoặc Tổng giám đốc xét thấy cán bộ điều hành không đáp ứng được yêu cầu công việc. e. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty; Vi phạm pháp luật ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.	
46.	Điều 33. Thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ quy định thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc theo các quy định liên quan của pháp luật.	Điều 40. Thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành khác 40.1. Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ quy định thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác theo các quy định liên quan của pháp luật. 40.2. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm: a. HĐQT tổ chức họp để thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền của HĐQT và được thực hiện bằng văn bản.	Sửa tên điều để bao gồm cả vấn đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ điều hành khác. Bổ sung quy định thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy trình thực hành thực tế và quy chế của Tổng Công ty

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		b. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý còn lại trong Tổng công ty thực hiện theo quy chế quản lý cán bộ của Tổng công ty.	
47.	Chương VI. Các hoạt động khác	Sửa đổi thành Chương VII. Mối quan hệ hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Bộ máy điều hành và Ban kiểm soát. Điều 42. Nguyên tắc quan hệ giữa HĐQT với Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác 42.1. Phân cấp quyền hạn trách nhiệm đối với HĐQT, các tiểu ban trợ giúp cho hoạt động HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác được thực hiện theo Điều lệ Tổng công ty và theo Quy chế này. 42.2. Mối quan hệ giữa HĐQT với Tổng giám đốc và cán bộ điều hành của Tổng công ty là mối quan hệ giám sát và chịu sự giám sát dựa trên quyền và trách nhiệm của các bên được quy định trong Điều lệ Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ khi tham gia vào hoạt động của Tổng công ty. 42.3. Tổng giám đốc có quyền quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành hàng ngày của Tổng công ty, là người chịu trách nhiệm thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. 42.4. Các thành viên trong Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác có quyền bảo lưu ý kiến phản đối quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại cho quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc và cán	Bổ sung Điều 42 mới về nguyên tắc quan hệ giữa HĐQT và TGD và cán bộ điều hành khác dựa trên quy định Điều lệ ban hành làm cơ sở thực hiện cơ chế phối hợp được quy định tại các điều tiếp theo.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		bộ điều hành khác phải có báo cáo giải trình kịp thời với HĐQT. Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác được miễn trừ trách nhiệm trong thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT trong trường hợp những quyết định này được Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác nhận định là trái pháp luật và đã có giải trình trước bằng văn bản.	
48.	Điều 35.3 khoản c: Biên bản cuộc họp HĐQT và tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Căn cứ nội dung đã được HĐQT thông qua tại biên bản họp hoặc biên bản tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT, các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của HĐQT được ban hành theo Quy chế về công tác văn thư, đảm bảo nơi nhận gồm có HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và các thành phần liên quan khác nếu có. Điều 35.4, điểm g: g. Tổng giám đốc chỉ đạo bộ máy điều hành chuẩn bị dự thảo tài liệu liên quan đến nội dung của các kỳ họp HĐQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.	Điều 43.3 khoản c Biên bản cuộc họp HĐQT và tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động HĐQT. Căn cứ nội dung đã được HĐQT thông qua tại biên bản họp hoặc biên bản tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT, các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của HĐQT được ban hành theo Quy chế về công tác văn thư, đảm bảo nơi nhận gồm có HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và các thành phần liên quan khác nếu có. Điều 43.4 Xóa điểm g	Bổ sung tham chiếu thêm tới quy chế nội bộ về quản trị và quy chế HĐQT để đảm bảo tính đầy đủ. Do trùng lặp điểm b, khoản 43.3
49.	Điều 35.5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc: a. Tại các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, cập nhật tình hình, tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT giao, tình hình, tiến độ thực hiện các	43.5.Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc: a. Tại các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, cập nhật tình hình, tiến độ thực hiện các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo, nội dung ủy quyền của HĐQT. Nội dung báo cáo phải bao gồm nội dung tự đánh giá về mức độ thực hiện công tác điều	Sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết hơn nội dung báo cáo của TGD tới HĐQT.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	nội dung khác theo các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo, nội dung ủy quyền của HĐQT.	hành liên quan đến việc triển khai các Nghị quyết của HĐQT và các vấn đề được HĐQT ủy quyền, nêu rõ những tồn tại, khó khăn, kinh nghiệm rút ra (nếu có) và đề xuất phương án xử lý trong thời gian tới.	
50.		43.7. Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác cần cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty các đơn vị trong Tổng công ty theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 26 Quy chế này. Yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên HĐQT được lập thành văn bản và gửi cho người được yêu cầu, thông báo cho Tổng giám đốc trước thời điểm yêu cầu được cung cấp thông tin một khoản thời gian hợp lý, hạn chế việc gây ảnh hưởng đến công việc điều hành của Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác.	Bổ sung trách nhiệm cung cấp thông tin của TGD và các bộ điều hành khác để làm đầy đủ cơ chế phối hợp với HĐQT và nhất quán với quy định tại điều 26. Bổ sung yêu cầu cần lập văn bản gửi cho người được yêu cầu cung cấp thông tin.
51.		43.8. Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành có liên quan thực hiện cung cấp văn bản, thư điện tử đối với các nội dung theo yêu cầu của các tiểu ban thuộc HĐQT theo quy chế hoạt động của các tiểu ban.	Bổ sung quy định trách nhiệm cung cấp thông tin tới tiểu ban thuộc HĐQT
52.		43.9. Đối với các cuộc họp quan trọng do Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác chủ trì trong quá trình chuẩn bị các nội dung sẽ trình HĐQT: Khuyến khích mời HĐQT/thành viên HĐQT phụ trách các vấn đề liên quan tham dự để phối hợp, chuẩn bị nội dung. Các thành viên HĐQT khi được mời tham dự sẽ quyết định việc tham dự và thông báo cho người mời họp trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên HĐQT có thể tham gia	Bổ sung quy định khuyến khích tham gia của các thành viên HĐQT nhằm tăng cường vai trò được cung cấp thông tin và giám sát của HĐQT.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		phát biểu đóng góp ý kiến đóng góp trong cuộc họp nhưng không kết luận tại cuộc họp.	
53.		43.13. Phối hợp hoạt động điều hành, giám sát và kiểm sát giữa thành viên HĐQT, BKS và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ nêu trên: a. Các vấn đề mà HĐQT phê duyệt theo đề xuất của Tổng giám đốc theo Khoản 2 Điều 26 của Điều lệ Tổng công ty, HĐQT phải phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc theo một thời hạn khác do các bên thỏa thuận; trừ trường hợp phê duyệt các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT thì thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của hợp đồng. b. HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung liên quan đến kiến nghị về Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, cơ cấu tổ chức, kế hoạch nhân sự trong thời hạn mười lăm (15) ngày; c. Trong trường hợp các cuộc họp của HĐQT cần có sự tham gia của các thành viên điều hành hoặc bất kỳ cấp quản lý, điều hành nào thì HĐQT cần gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất bảy (07) ngày; d. Ban Kiểm soát thực hiện thông báo kết quả kiểm tra giám sát nội bộ định kỳ hàng quý, thông báo kết quả kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý và 06 tháng trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ thời điểm kết thúc kiểm tra. Đối với báo cáo tài chính hàng năm, kết quả thông báo được gửi ra trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ thời điểm kết thúc kiểm tra; e. Khi nhận được kết quả kiểm tra từ Ban Kiểm soát, HĐQT cần xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý trong vòng bảy (07) ngày;	Bổ sung quy định cụ thể thời hạn thực hiện nhiệm vụ của các bên HĐQT, BKS, TGD trong việc tham gia phối hợp hoạt động tại Tổng Công ty.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		f. Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác giám sát của HĐQT đề trình lên ĐHĐCĐ tại các cuộc họp thường niên cần gửi cho Ban Kiểm soát trước năm (05) ngày so với ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ để Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định; Ban Kiểm soát cần thông báo cho HĐQT và trao đổi ý kiến về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi lên ĐHĐCĐ trước hai (02) ngày so với ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ.	
54.		CHƯƠNG IX: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY Điều 46. Đào tạo về quản trị công ty Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành khác, Thành viên các tiểu ban trợ giúp hoạt động của HĐQT, Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Tổng công ty cần tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.	Bổ sung chương và điều mới về đào tạo quản trị công ty để thể hiện tính cam kết nâng cao năng lực quản trị cho các thành viên có liên quan tại Tổng Công ty
55.		CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác 47.1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 47.2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác và những Người liên quan tới các Thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá	Bổ sung chương mới quy định về ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với bên liên quan để phản ánh cam kết tuân thủ quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề này và hoàn thiện các điểm được nêu trong thực hành quản trị công ty tốt.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 47.3. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với chính Thành viên đó hoặc với những Người có liên quan tới Thành viên đó theo quy định của pháp luật. Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc Nghị quyết HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên Trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. 47.4. Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông, các Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác và những Người có liên quan tới Thành viên này, trừ khi pháp luật có quyết định khác. 47.5. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà Thành viên đó hoặc Người có liên quan đến Thành viên đó là một bên trong giao dịch, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của Thành viên HĐQT đó. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty. 47.6. Các Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác và những Người có liên quan tới các Thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		Điều 48. Giao dịch với Người có liên quan 48.1. Bất kỳ giao dịch với Người có liên quan nào cũng cần được phê duyệt trước khi thực hiện. Thẩm quyền phê duyệt giao dịch với Người có liên quan theo quy định của Pháp luật. Riêng giao dịch cho vay, bảo lãnh với những người có liên quan phải tuân thủ điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. 48.2. Khi tiến hành giao dịch với những Người có liên quan, Tổng công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể theo quy định của pháp luật. 48.3. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những Người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Tổng công ty hay lũng đoạn giá cả. 48.4. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những Người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty. Tổng công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những Người có liên quan. Điều 49. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty 49.1. Tổng công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		49.2. Tổng công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty thông qua việc: a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty và đưa ra quyết định; b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT và Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác. Tổng công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Tổng công ty.	
56.		CHƯƠNG XI: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN Điều 50. Nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng công ty 50.1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Ngoài ra, Tổng công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. 50.2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng theo quy định của pháp luật.	Bổ sung quy định cam kết về công bố thông tin để đảm bảo tính toàn diện trong thực hành quản trị theo thông lệ tốt.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		Điều 51. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người nội bộ và Người có liên quan Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 47 của Quy chế này, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành khác, người nội bộ và người có liên quan có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 155/2020/NĐ-CP về giao dịch trong các trường hợp sau: 51.1. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà các Thành viên nêu trên là Thành viên sáng lập hoặc là Thành viên HĐQT, Thành viên Ban điều hành trong thời gian ba (03) năm trước. 51.2. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó Người có liên quan của các Thành viên nêu trên là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc/Giám đốc, các cán bộ điều hành khác hoặc cổ đông lớn. 51.3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các Thành viên nêu trên. Điều 52. Tổ chức công bố thông tin 52.1. Tổng công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty theo quy định pháp luật. 52.2. Tổng công ty phải có ít nhất một (01) nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Tổng công ty có trách nhiệm sau: a. Công bố thông tin của Tổng công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.	

BẢNG TỔNG HỢP DỰ THẢO CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
1	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. 3. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin: a) Đối với các thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty được lập theo các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo năm theo các quy định, quy chế liên quan trong Tổng công ty, Tổng giám đốc/người được Tổng giám đốc ủy quyền lập báo cáo có trách nhiệm sao gửi đồng thời cho các thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm hoàn thành và phát hành báo cáo, tài liệu. b) Đối với các thông tin, tài liệu khác về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty, nếu thấy cần thiết và có nhu cầu, các thành viên Hội đồng quản trị gửi yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu đến Tổng giám đốc hoặc người quản lý, người điều hành khác. Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian hợp lý. Hình	Sửa đổi, bổ sung: Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty. 2. Cán bộ điều hành Tổng công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. 3. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin: a) Đối với các thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty được lập theo các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo năm theo các quy định, quy chế liên quan trong Tổng công ty. Tổng giám đốc/người được Tổng giám đốc giao, ủy quyền lập báo cáo có trách nhiệm <u>gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị một bản sao báo cáo và các tài liệu đính kèm ngay sau khi phát hành</u> b) Đối với các thông tin, tài liệu khác của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty ngoài các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 của Điều này, nếu thấy cần thiết và có nhu cầu, các thành viên Hội đồng quản trị gửi yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu đến <u>Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác</u>. Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho thành	Phù hợp với khái niệm được quy định tại Điều lệ TCT. Tương đồng với Quy chế nội bộ về quản trị & thực hành quản trị trên thực tế

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	<u>thức gửi yêu cầu và gửi thông tin, tài liệu bằng văn bản, bao gồm cả các hình thức trao đổi thông tin điện tử.</u>	viên Hội đồng quản trị trong thời gian hợp lý. <u>Hình thức gửi yêu cầu và gửi thông tin, tài liệu bằng văn bản, bao gồm cả các hình thức trao đổi thông tin điện tử và được nêu rõ trong yêu cầu của của thành viên Hội đồng quản trị.</u> Bổ sung điểm c: <u>c) Ngoài các quy định tại điểm a và b điều này, việc báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT được quy định trong Điều 36 và Điều 43 của Quy chế nội bộ về quản trị.</u>	
2.	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp <u>và tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 của Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty.</u>	Bổ sung quy định tham chiếu đến quy định trong quy chế có liên quan
3.	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; <u>c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</u>	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	Bỏ điểm c, khoản 2 vì Điều lệ TCT không có quy định khác

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	2. Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) <u>Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</u> 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba <u>so với số quy định</u> tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) <u>Cổ ý cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị.</u> 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba <u>so với số tối thiểu quy định</u> tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	Bổ sung rõ nội dung điểm b khoản 2 theo Điều lệ TCT. Bổ sung theo quy định của LDN.
4.	Điều 9 , khoản 2: 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định <u>tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u>, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều	2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định <u>tại khoản 3 điều 11 của Điều lệ</u>, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội	Sửa lại dẫn chiếu cho nhất quán với Quy chế nội bộ về quản trị TCT

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật	
5.	Điều 11 Khoản 4 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên <u>phản đối</u> thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	Điều 11 Khoản 4 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty <u>và các Quy chế khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua</u> gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên <u>không tán thành</u> thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	Bổ sung cho đầy đủ.
6.	Khoản 2, Điều 13: 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>60 ngày</u> kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ	2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>30 ngày</u> kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;	Sửa thành 30 ngày tương ứng quy định tại điều 13, khoản 4, điểm a Điều lệ TCT

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
	Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;		
7.	Khoản 9 Điều 15: 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; <u>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.</u>	9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	Bỏ điểm e vì Điều lệ TCT không có quy định khác.
8.	Chưa quy định	Bổ sung Điều 17 <u>Điều 17. Thông qua ý kiến của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u> <u>Ngoài việc tổ chức cuộc họp HĐQT, khi cần thiết Chủ tịch HĐQT có quyền tổ chức lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản như quy định tại khoản 13 điều 29 Điều lệ và Điều 24 Quy chế nội bộ về quản trị. Việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản thực hiện như sau:</u> <u>1. Đối với vấn đề phức tạp, cần có thời gian để thành viên HĐQT nghiên cứu hồ sơ, tài liệu thời gian để thành</u>	Bổ sung quy định việc thông qua ý kiến của HĐQT bằng hình thức văn bản (hiện được quy định tại Quy chế làm việc của HĐQT – Điều 17) nhưng sẽ được hủy bỏ Quy chế này.

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
		<u>viên HĐQT gửi lại phiếu lấy ý kiến bằng bản trong thời hạn không muộn hơn 15 ngày kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo.</u> <u>2. Đối với những vấn đề không thuộc trường hợp tại khoản 1 điều này, các thành viên HĐQT phải gửi lại phiếu lấy ý kiến bằng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận phiếu biểu quyết và tài liệu kèm theo hoặc thời hạn khác theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.</u> <u>3. Biên bản về việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải bao gồm các nội dung sau:</u> <u>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u> <u>b) Thời gian gửi và nhận lại Phiếu lấy ý kiến</u> <u>c) Mục đích và nội dung lấy ý kiến</u> <u>d) Ho, tên từng thành viên gửi Phiếu lấy ý kiến và thành viên không gửi lại Phiếu lấy ý kiến.</u> <u>e) Ý kiến của từng thành viên đối với từng vấn đề.</u> <u>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</u> <u>h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u> <u>i) Ho, tên, chữ ký của Chủ tịch và người ghi Biên bản.</u> <u>j. Các vấn đề khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần thiết nêu vào Biên bản.</u>	
9.		Chuyển thứ tự các điều tiếp theo sau khi bổ sung Điều 17 mới	

Stt	Nội dung điều khoản tại Quy chế hiện hành của Tổng công ty	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh cơ sở sửa đổi, bổ sung
10.	Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết. <u>Cơ chế phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Tổng giám đốc và Ban điều hành được quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty.</u>	Bổ sung nội dung tham chiếu tới quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị.

Phần 11 – BÁO CÁO, TỜ TRÌNH VỀ CÔNG TÁC BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO VỀ ĐƠN TỪ NHIỆM VÀ HẾT NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
 Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung:

1/Chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) như sau:

Ông Louis T Nguyen, thành viên độc lập HĐQT của Tổng công ty, được bầu vào HĐQT nhiệm kỳ thứ nhất ngày 28/04/2016 và được bầu lại vào HĐQT nhiệm kỳ thứ hai tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 27/04/2021, vì lý do công tác đã có đơn từ nhiệm gửi đến Hội đồng quản trị ngày 13/03/2023.

2/Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát sau đây hết nhiệm kỳ:

- Ông Lê Cự Tân, Thành viên HĐQT đã được bầu vào HĐQT ngày 26/04/2018;
- Ông Lê Vinh Văn, Thành viên BKS đã được bầu vào BKS ngày 26/04/2018;
- Ông Lương Phương, Thành viên BKS đã được bầu vào BKS ngày 26/04/2018.

Căn cứ thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT xin báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua các nội dung trên.

Trân trọng,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Dũng

HƯỚNG DẪN ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Nội dung hướng dẫn bầu cử này đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (“Tổng công ty”) thống nhất thông qua theo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021), được tổng hợp để hướng dẫn việc bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát (BKS) tại phiên họp ĐHĐCĐ, với các quy định sau:

1. Nguyên tắc bầu cử và quyền bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1.1. Nguyên tắc

Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp và chứng khoán tại Việt Nam;
- Tuân thủ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty;
- Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

1.2. Người có quyền bầu cử

Người có quyền bầu cử tại ĐHĐCĐ là các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được cổ đông sở hữu cổ phần ủy quyền dự họp (*theo danh sách cổ đông Tổng công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập*) có mặt tại phiên họp ĐHĐCĐ.

2. Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT

2.1. Số lượng thành viên HĐQT

Số lượng thành viên HĐQT được bầu tại kỳ họp thường niên 2023: **02 thành viên**.

2.2. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
- Thành viên HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
- Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

2.3. Điều kiện đề cử, tự ứng cử thành viên HĐQT, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT

2.3.1. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử thành viên HĐQT

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT tại điểm 2.2 nêu trên và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần của Tổng công ty đề cử.
- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ theo quy định.

2.3.2. Số lượng ứng cử viên HĐQT

Số lượng ứng cử viên để bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo ít nhất bằng số thành viên HĐQT cần bầu.

2.3.3. Tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT

Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng ứng cử viên tối thiểu, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.
- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ được công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

3. Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên BKS

3.1. Số lượng kiểm soát viên

Số lượng kiểm soát viên cần bầu lại tại kỳ họp thường niên 2023: **02 kiểm soát viên**.

3.2. Điều kiện và tiêu chuẩn kiểm soát viên

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

3.3. Đề cử, ứng cử KSV, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS

3.3.1. Điều kiện tự ứng cử, được đề cử KSV

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện KSV và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần của Tổng công ty đề cử.
- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ đề cử/ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

3.3.2. Số lượng ứng cử viên:

Ứng cử viên để bầu vào BKS (bao gồm các cổ đông có đủ điều kiện tự ứng cử và các ứng cử viên được cổ đông đề cử) phải đảm bảo số lượng ít nhất bằng số KSV dự kiến được bầu vào BKS.

3.3.3. Tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS

Tại ngày hạn chót nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định.

Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng ứng cử viên tối thiểu, HĐQT thông báo cho BKS đương nhiệm đề BKS đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của KSV.

- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ được công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

4. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào HĐQT/BKS

4.1. Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT/BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử tham gia HĐQT/BKS có nội dung cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT/BKS một cách trung thực nếu được bầu vào HĐQT (theo mẫu đính kèm);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu đính kèm);
- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);
- Bản sao có công chứng/chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, các bằng cấp trình độ chuyên môn.

3.2. Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT/BKS

Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Tổng công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ **theo thông báo của Tổng công ty**.

Chỉ những hồ sơ đề cử /ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT/BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ.

4. Phương thức bầu cử

Việc bầu cử thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể như sau:

- Mỗi cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên dự kiến được bầu vào HĐQT/BKS;
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho số ứng cử viên không quá số lượng thành viên HĐQT/BKS cần bầu.

5. Cách thức tiến hành bầu cử

5.1. Phiếu bầu cử

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một Phiếu bầu cử thành viên HĐQT/BKS (“Phiếu bầu cử”), trên đó có ghi mã số cổ đông, số cổ phần (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS, danh sách các ứng cử viên được đề cử vào HĐQT/BKS. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số cổ đông và số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu để được điều chỉnh lại.
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải sử dụng phiếu bầu cử theo mẫu in sẵn được đóng dấu treo của Tổng công ty của Ban Tổ chức phát ra.

5.2. Cách ghi phiếu bầu

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền điền số “0” hoặc bỏ trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.
- Trường hợp cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử.

5.3. Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi:
 - Sử dụng phiếu bầu có đóng dấu treo của Tổng công ty do Ban Tổ chức phát ra; và
 - Bầu cho những ứng viên HĐQT/BKS có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc phiếu trắng; và
 - Phiếu bầu không bị tẩy xóa, cạo sửa.
- Phiếu bầu không hợp lệ: Phiếu bầu được xem là không hợp lệ nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
 - Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
 - Phiếu bầu cử không có đóng dấu tròn của Tổng công ty;
 - Phiếu bầu cử bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đó được quyền bầu;
 - Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.

6. Ban kiểm phiếu, trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu

6.1. Ban Kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa ĐHĐCĐ đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT, BKS.
- Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:
 - Hướng dẫn tóm tắt quy định về bầu cử;
 - Phát phiếu bầu cho cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông;
 - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
 - Tổ chức kiểm phiếu;
 - Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước ĐHĐCĐ;
 - Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa;
- Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước ĐHĐCĐ.

6.2. Trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Tổ chức sẽ chuẩn bị các thùng phiếu. Ban Kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT/BKS

- Số người trúng cử thành viên HĐQT/BKS là người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

Công thức: Tỷ lệ phiếu bầu = (Tổng số phiếu được bầu cho ứng cử viên/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp) x 100%

- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt điều kiện trúng cử có cùng số phiếu bầu như nhau, mà phải chọn số người trúng cử ít hơn thì việc chọn ứng cử viên trúng cử theo nguyên tắc sau: Ứng cử viên nào được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần cao hơn sẽ là ứng cử viên trúng cử.

8. Giải quyết khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

- Trong trường hợp cổ đông khiếu nại hoặc yêu cầu kiểm tra lại kết quả bầu cử, Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Việc trả lời và giải quyết những khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ./

TỜ TRÌNH BẦU CỬ HĐQT, BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) của Tổng công ty như sau:

I. Về yêu cầu bầu thành viên HĐQT, BKS:

HĐQT Tổng công ty hiện có 5 thành viên. Theo đó có 1 thành viên HĐQT là ông Lê Cự Tân, được bầu vào HĐQT ngày 26/04/2018, đến thời điểm này đã hết nhiệm kỳ 5 năm của thành viên HĐQT. Theo đơn từ nhiệm của ông Louis T Nguyen, thành viên độc lập HĐQT đã có đơn từ nhiệm như đã báo cáo với ĐHĐCĐ.

Để đảm bảo duy trì số lượng, thành phần HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, Tổng công ty cần tiến hành bầu thay thế 2 thành viên HĐQT trong đó có 1 thành viên đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên độc lập HĐQT.

BKS Tổng công ty hiện có 3 Kiểm soát viên. Theo đó có 2 Kiểm soát viên là ông Lê Vinh Văn và ông Lương Phương, được bầu vào BKS ngày 26/04/2018, đến thời điểm này đã hết nhiệm kỳ 5 năm của thành viên BKS.

Để đảm bảo duy trì số lượng, thành phần BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, Tổng công ty cần tiến hành bầu thay thế 2 Kiểm soát viên.

II. Danh sách ứng cử viên để bầu vào HĐQT, BKS

Tổng công ty đã đăng thông báo về việc ứng cử, đề cử ngày 02/06/2023 kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ đến các quý cổ đông. Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ của các cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện đề cử/ứng cử tính đến thời hạn 14h00 ngày 16/06/2023, Tổng công ty đã tổng hợp danh sách ứng cử viên như sau:

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cổ đông nắm giữ 59,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp, đề cử ứng cử viên như sau:

- Đề cử ông Hồ Quyết Thắng, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Sửa chữa - Bảo dưỡng công trình Dầu khí - CTCP (PVMR) tham gia ứng cử thành viên độc lập HĐQT;

- Đề cử đề cử bà Trần Thị Phượng, Nguyên Kiểm soát viên Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOil) tham gia ứng cử thành viên BKS.

Theo số lượng dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông bầu lại 02 thành viên HĐQT và 02 thành viên BKS, số lượng ứng cử viên mà các cổ đông đề cử như trên còn thiếu 01 ứng cử viên vào HĐQT và thiếu 01 ứng cử viên vào BKS.

Căn cứ thẩm quyền đề cử của HĐQT và BKS đương nhiệm quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, sau ngày 16/06/2023, HĐQT và BKS đã thống nhất phương án đề cử ứng cử viên như sau:

- HĐQT đề cử ông Nguyễn Ngọc Anh, Phó Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia ứng cử thành viên HĐQT.

- BKS đề cử ông Lương Phương, Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 của Tổng công ty tiếp tục tham gia ứng cử thành viên BKS.

HĐQT xin công bố đến Đại hội đồng cổ đông Danh sách ứng cử viên để bầu thành viên HĐQT, BKS như trên, kính đề nghị quý Cổ đông nghiên cứu hướng dẫn về bầu cử của Đại hội và thông tin lý lịch của ứng cử viên để tiến hành thủ tục bỏ phiếu bầu cử.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Dũng

**DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN
BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT**

I/ Ứng cử viên bầu vào Hội đồng quản trị

1. Ông Hồ Quyết Thắng

- Ngày sinh: 15/8/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1993 – 1994: Kỹ sư cơ khí công ty nhựa Tân Tiến – Sở Công Nghiệp TP. HCM
 - 1994 – 1996: Kỹ sư nghiên cứu phòng cơ tin học, viện cơ học ứng dụng TP.HCM thuộc trung tâm KHTN – CN Quốc gia Việt Nam
 - 1996 – 1999: Kỹ sư nghiên cứu phòng An toàn – Trung tâm An toàn và Môi trường Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 1999 – 2001: Phó phòng An toàn - Trung tâm An toàn và Môi trường Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 2001 – 4/2006: Trưởng phòng kiểm định Kỹ thuật - Trung tâm an toàn Môi trường Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 4/2006 – 8/2006: Phó phòng phụ trách phòng Kế hoạch Hợp đồng - Ban Quản lý dự án khí điện Nhơn Trạch thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 8/2006 – 10/2006: Phó phòng phụ trách phòng Chuẩn bị - Sản xuất đào tạo thuộc Ban Quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 11/2006 – 5/2007: Trưởng phòng phụ trách phòng chuẩn bị - Sản xuất đào tạo thuộc Ban Quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 06/2007 – 8/2008: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 08/2008-08/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 08/2009 – 8/2011: Tổng Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 8/2011 -10/2014: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 11/2014 - 02/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Sài Gòn thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 02/3/2015- 8/2015: Trưởng Ban Nghiên cứu và Phát triển thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGAS)
 - 8/2015- 12/2018: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí, CTCP (PVMR)
 - 12/2018-nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí, CTCP (PVMR)
- Chức vụ công tác hiện nay: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí, CTCP (PVMR)

- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ TV HĐQT/BKS và các chức danh quản lý khác (nếu có): Không có
- Các lợi ích có liên quan đến công ty (nếu có): Không có
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có.

2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

- Ngày sinh: 02/09/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường, Thạc sỹ quản lý xây dựng
- Quá trình công tác:
 - Từ 8/2005 - 3/2008: Chuyên viên, Ban quản lý các công trình 18
 - Từ 4/2008 - 8/2015: Chuyên viên, Ban Đầu tư phát triển, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Từ 9/2015 - 15/8/2017: Phó Trưởng phòng, Phòng Thẩm định dự án, Ban Đầu tư Phát triển, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam
 - Từ 16/08/2017 - 18/07/2019: Chuyên viên, Ban Kiểm soát nội bộ, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam
 - Từ 19/07/2019 - nay: Phó Trưởng ban, Chuyên viên, Ban Kiểm soát nội bộ, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: : Phó Trưởng ban, Ban Kiểm soát nội bộ, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Lợi ích liên quan đến Tổng công ty và các bên liên quan đến Tổng công ty: Không

II/Ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát:

1. Bà Trần Thị Phụng

- Ngày sinh: 15/12/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Chứng chỉ Kế toán viên do Bộ Tài chính cấp.
- Trình độ chuyên môn: Kiểm soát, Kế toán- tài chính, Kinh doanh.
- Quá trình công tác:
 - Từ 2004 đến 2006: Chuyên viên phòng Kinh doanh Tổng hợp, Công ty CP Lưới Thép Bình Tây, Công ty Thép Miền Nam tại TP.HCM.
 - Từ 01/2007 đến 11/2007: Chuyên viên phòng Kinh doanh sản phẩm Dầu, Tổng Công ty Thương mại Dầu khí Petechim – Công ty TNHH MTV, Tập đoàn Dầu khí QG Việt Nam;
 - Từ 12/2007 đến 6/2008: Kiểm soát viên chuyên trách Tổng công ty Thương mại Dầu khí Petechim – Công ty TNHH MTV, Tập đoàn Dầu khí QG Việt Nam;
 - Từ 6/2008 – T7/2018: Kiểm soát viên chuyên trách Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV, Tập đoàn Dầu khí QG Việt Nam;
 - Từ T8/2018 – T4/2023: Kiểm soát viên chuyên trách - Ban Kiểm soát Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP, Tập đoàn Dầu khí QG Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2018-2023.
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ TV HĐQT/BKS và các chức danh quản lý khác (nếu có): Không
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có.
- Các lợi ích có liên quan đến công ty (nếu có): Không có

2. Ông Lương Phương

- Ngày sinh: 20/6/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính tín dụng – Đại học TCKT Hà Nội, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Tháng 3/2006 – 9/2008: Chuyên viên TCKT – Ban Quản lý Công trình Xây dựng thuộc PVFCCo;
 - Tháng 10/2008 – 12/2011: Phó phòng TCKT – Ban Quản lý Công trình Xây dựng thuộc PVFCCo;
 - Tháng 1/2012 – 7/2013: Phó phòng TCKT - Công ty CP Quản lý và Phát triển nhà DK Miền Nam (PVSBĐ);
 - Tháng 8/2013 – 1/2016: Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty CP Quản lý và Phát triển nhà DK Miền Nam (PVSBĐ);
 - Tháng 2/2016 đến nay: Chuyên viên sản xuất – Ban Kế hoạch - Đầu tư PVFCCo.
 - Tháng 4/2018 đến nay: Kiểm soát viên PVFCCCo nhiệm kỳ 2018-2023
- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên chính Ban Kế hoạch - Đầu tư PVFCCo
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có.
- Các lợi ích có liên quan đến công ty (nếu có): Không có

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật sửa đổi bổ sung số 03/2022/QH15;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần;
- Căn cứ Biên bản họp và kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP thông qua các nội dung tại phiên họp thường niên ngày 27/06/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình đã trình bày tại cuộc họp với các nội dung cụ thể như sau:

- 1.1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty.
- 1.2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- 1.3. Thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất của Tổng công ty năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- 1.4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.
- 1.5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.
- 1.6. Thông qua danh sách đề lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2023.
- 1.7. Thông qua báo cáo thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
- 1.8. Thông qua nội dung cho Tổng công ty đăng ký điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh theo Tờ trình.
- 1.9. Thông qua chủ trương ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu để trình các cấp thẩm quyền thông qua.
- 1.10. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 1.11. Thông qua nội dung về bầu, miễn nhiệm nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát [theo kết quả bầu cử].

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, .../6/2023.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Thủ trưởng các Ban/Văn phòng và đơn vị trực thuộc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - công ty cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.